CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 145/QĐ-ĐHHD ngày 10/5/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương)

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Giáo dục Tiểu học
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Primary Education
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7140202
Khoa quản lí chương trình:	Giáo dục Tiểu học
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	125
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo 125 tín chỉ; - Đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Giáo dục Tiểu học
Vị trí việc làm:	- Giáo viên văn hóa, tổng phụ trách đội, cán bộ quản lí tại các trường tiểu học công lập, dân lập, tư thục và quốc tế. - Giảng viên các cơ sở đào tạo giáo viên tiểu học. - Chuyên viên, tư vấn viên, nghiên cứu viên tại các cơ sở liên quan đến Giáo dục Tiểu học. - Làm việc tại các cơ quan, tổ chức nghiên cứu và tư vấn phát triển Giáo dục Tiểu học và một số lĩnh vực khác
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	- Có năng lực tự học, nghiên cứu khoa học giáo dục và các lĩnh vực khác có liên quan đến Giáo dục Tiểu học. - Có thể tiếp tục học sau đại học các chuyên ngành: Giáo dục học (Tiểu học); Quản lí giáo dục;

	Lí luận và lịch sử giáo dục và một số chuyên ngành gần khác.
Chương trình đào tạo tham khảo:	- Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; - Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Hùng Vương. - Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Thủ đô; - Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Hạ Long; - Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên - Đại học Thái Nguyên; - Chương trình đào tạo Đại học Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Hùng Vương.

CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Luật 34/2018/QH14: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018.

- Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông.

- Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

- Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường tiểu học.

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học**;**

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT-GDĐH, ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục

và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của Giáo dục Đại học.

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ Đại học.

- Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào trường Đại học Hải Dương.

- Quyết định số 362/QĐ-ĐHHD ngày 28/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành Quy chế về đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương.

1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục Tiểu học giúp người học:

- Có phẩm chất và năng lực cần thiết đáp ứng chuẩn nghề nghiệp của giáo viên, chuẩn bị cho việc học ở các bậc học tiếp theo hoặc phát triển nghề nghiệp.

- Có phẩm chất và năng lực cần thiết đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực (thị trường lao động) và thích ứng với những thay đổi của xã hội hiện đại.

- Có kiến thức, kĩ năng khoa học ngành/ liên ngành cần thiết và có khả năng vận dụng hiệu quả vào giảng dạy, nghiên cứu cũng như vào thực tiễn và tự học suốt đời; nhận biết được giá trị văn hoá của khoa học ngành/ liên ngành.

- Có khả năng và ham muốn học hỏi, tiếp thu những giá trị phổ quát, tinh hoa của văn hoá nhân loại; biết xây dựng và phát triển hài hoà các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Phẩm chất

Chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học trình độ Đại học giúp người học hình thành và phát triển những phẩm chất:

M1: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước

M2: Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh

M3: Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học

M4: Trung thực và đáng tin cậy

M5: Trách nhiệm và tận tâm

M6: Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời

1.2.2. Năng lực

Chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học trình độ Đại học giúp người học hình thành và phát triển năng lực chung, năng lực sư phạm và năng lực ngành.

** Nhóm năng lực chung cốt lõi,* bao gồm:

M7: Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi

M8: Năng lực giao tiếp và hợp tác

M9: Năng lực lãnh đạo

M10: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

M11: Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội

M12: Năng lực phản biện

** Nhóm năng lực sư phạm cốt lõi,* bao gồm:

M13: Năng lực dạy học

M14: Năng lực giáo dục

M15: Năng lực định hướng sự phát triển của học sinh

M16: Năng lực hoạt động xã hội

M17: Năng lực phát triển nghề nghiệp

** Nhóm năng lực ngành cốt lõi,* bao gồm:

M18: Năng lực đặc thù của khoa học ngành Giáo dục Tiểu học:

- Có năng lực dạy học tốt các môn học; có năng lực tổ chức tốt các hoạt động giáo dục trong trường tiểu học, có thể phấn đấu trở thành giáo viên cốt cán về chuyên môn ở tiểu học, có thể dạy học ở các trường tiểu học chất lượng cao và các trường có yếu tố nước ngoài.

- Có năng lực tham gia quản lí và chỉ đạo các hoạt động giáo dục ở tiểu học.

M19: Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học ngành (hoặc liên ngành) để giải thích được các nội dung dạy học của chương trình môn học (theo ngành được đào tạo) trong chương trình giáo dục phổ thông.

M20: Năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học ngành (hoặc liên ngành) vào giải quyết vấn đề thực tiễn; có năng lực học tập, nghiên cứu ở các trình độ thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành Giáo dục Tiểu học hoặc chuyên ngành gần.

M21: Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục ngành Giáo dục Tiểu học.

M22: Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn Giáo dục Tiểu học.

M23: Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn Giáo dục Tiểu học.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Nội dung cơ bản của Khung chuẩn đầu ra

Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất

Khung chuẩn đầu ra của tiêu chuẩn 1 gồm 6 tiêu chí được xác định như sau:

C1: Tiêu chí 1: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước

Tiêu chí 1 gồm 3 chỉ báo:

- Yêu thiên nhiên; tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

- Hiểu và chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần bảo vệ và xây dựng đất nước.

- Yêu quê hương, yêu đất nước; giữ gìn và bảo vệ những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

C2: Tiêu chí 2: Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh

Tiêu chí 2 gồm 3 chỉ báo:

- Tôn trọng, thừa nhận và tin tưởng vào khả năng học tập và sự thay đổi tích cực của học sinh.

- Yêu thương học sinh; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ học sinh trong học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.

- Cam kết nuôi dưỡng và phát huy tiềm năng của từng học sinh; tư vấn, hỗ trợ học sinh quyết định hướng đi của cuộc đời mình.

C3: Tiêu chí 3: Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học

Tiêu chí 3 gồm 3 chỉ báo:

- Nhận thức được ba giá trị cốt lõi làm nền tảng cho hệ giá trị nghề dạy học trong thời đại hiện nay là: giá trị liên quan đến người học; ý nghĩa tác động sư phạm của giáo dục; trách nhiệm giáo dục mà xã hội giao phó.

- Yêu nghề, tận tâm với nghề.

- Tạo dựng được niềm tin và tự hào về nghề dạy học.

C4: Tiêu chí 4: Trung thực và đáng tin cậy

Tiêu chí 4 gồm 3 chỉ báo:

- Nhận thức và hành động theo lẽ phải; sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải.

- Trung thực trong học tập và trong cuộc sống; đấu tranh với các hành vi gian lận, vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

- Chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ bạn bè trong học tập, rèn luyện; tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng.

C5: Tiêu chí 5: Trách nhiệm và tận tâm

Tiêu chí 5 gồm 5 chỉ báo:

- Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội.

- Có ý thức tự đánh giá để xây dựng kế hoạch cá nhân.

- Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt khó trong học tập.

- Tôn trọng, thừa nhận sự khác biệt giữa mọi người về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân.

- Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

C6: Tiêu chí 6: Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời

Tiêu chí 6 gồm 3 chỉ báo:

- Ý thức được vai trò và ý nghĩa của tự học, tự nghiên cứu suốt đời đối với người giáo viên. Qua đó, có ý thức trở thành người *biết suy nghĩ, phải suy nghĩ* và *được quyền suy nghĩ*.

- Coi trọng việc tìm kiếm, lựa chọn những tri thức cần thiết để tự học, tự nghiên cứu suốt đời để phục vụ cho cuộc sống hiện tại và tương lai của chính người học.

- Nỗ lực tìm kiếm các phương pháp tự học, tự nghiên cứu phù hợp để đạt được mục đích.

Tiêu chuẩn 2: Năng lực chung

Khung chuẩn đầu ra của tiêu chuẩn 2 gồm 6 tiêu chí được xác định như sau:

C7: Tiêu chí 1: Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi

Tiêu chí 1 gồm 5 chỉ báo:

- Tạo dựng được lối sống tự lực; khẳng định và bảo vệ được quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.

- Tự điều chỉnh được xúc cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng.

- Điều chỉnh được hiểu biết, thái độ, kĩ năng, kinh nghiệm của cá nhân để thích ứng với các yếu tố mới, hoạt động mới, môi trường sống mới.

- Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới cũng như thích ứng được với các mối quan hệ xã hội.

- Hình thành và sử dụng được hệ thống kĩ năng (cơ bản và kĩ năng mềm) trong ứng xử với sự đa dạng và thay đổi.

C8: Tiêu chí 2: Năng lực giao tiếp và hợp tác

Tiêu chí 2 gồm 9 chỉ báo:

- Sử dụng được tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp hàng ngày và trong hoạt động chuyên môn.

- Xác định được mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện và thái độ giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội.

- Thực hiện được các yêu cầu của giao tiếp sư phạm với học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh, cán bộ quản lí các cấp và cộng đồng.

- Thực hiện được các yêu cầu, nhiệm vụ hợp tác trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và trong cuộc sống.

- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong học tập và hoạt động nghề nghiệp.

- Thực hiện được hoạt động nhóm hiệu quả.

- Thể hiện được sự tôn trọng những khác biệt, đa dạng của cá nhân và nhóm trong giao tiếp.

- Có những hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế.

- Có chứng chỉ đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ; hoặc cấp độ B1 của Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung châu Âu hoặc các văn bằng, chứng chỉ tương đương; hoặc bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

C9: Tiêu chí 3: Năng lực lãnh đạo

Tiêu chí 3 gồm 3 chỉ báo:

- Ý thức được sự lãnh đạo là phục vụ xã hội một cách chính đáng và chuyên nghiệp.
- Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác.
- Xác định được nhu cầu và khả năng của người khác để thu hút, thuyết phục, dẫn dắt và tổ chức trong công việc.

C10: Tiêu chí 4: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

Tiêu chí 4 gồm 6 chỉ báo:

- Đưa ra được ý tưởng mới.
- Xác định được tình huống có vấn đề; phát hiện và làm rõ vấn đề; thu thập, sắp xếp, giải thích và đánh giá được độ tin cậy của thông tin; chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác.
- Hình thành và triển khai được ý tưởng mới.
- Đề xuất, lựa chọn được giải pháp; thiết lập được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề.
- Thiết kế và tổ chức được hoạt động; thực hiện và trình bày được giải pháp giải quyết vấn đề.
- Đánh giá được giải pháp đã thực hiện; phản ánh được giá trị của giải pháp; khái quát hoá được cho vấn đề tương tự.

C11: Tiêu chí 5: Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội

Tiêu chí 5 gồm 3 chỉ báo:

- Có hiểu biết cơ bản về nền văn hoá dân tộc và những vấn đề kinh tế – xã hội quan trọng của đất nước.
- Phát triển được văn hoá cá nhân để tạo dựng đời sống tinh thần phong phú và lối sống có văn hoá phù hợp với chuẩn mực xã hội, phù hợp với môi trường nhà trường.
- Thiết kế và tổ chức được các hoạt động xây dựng môi trường văn hoá nhà trường để hỗ trợ, thúc đẩy học tập.

C12: Tiêu chí 6: Năng lực phản biện

Tiêu chí 6 gồm 3 chỉ báo:

- Có tư duy độc lập.
- Phân tích và đánh giá được thông tin đã có theo cách nhìn khác nhau nhằm làm sáng tỏ và khẳng định được tính chính xác của thông tin.
- Lập luận phản bác có cơ sở khoa học đối với kết quả của một quá trình tư duy để xác định lại tính chính xác của kết luận.

Tiêu chuẩn 3: Năng lực sư phạm

Khung chuẩn đầu ra của tiêu chuẩn 3 gồm 5 tiêu chí được xác định như sau:

C13: Tiêu chí 1: Năng lực dạy học

Tiêu chí 1 gồm 9 chỉ báo:

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa.

- Lựa chọn được những phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học bộ môn phù hợp, hiệu quả.

- Xây dựng và thực hiện được các chủ đề (hay bài soạn) dạy học tích hợp, dạy học phân hoá.

- Xây dựng được kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học theo hướng tích hợp dạy học với giáo dục phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục.

- Tổ chức được các hoạt động học tập của học sinh; vận dụng được các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh, phát triển năng lực tự học của học sinh.

- Tổ chức và quản lí được lớp học, tạo dựng được môi trường học tập hiệu quả trong giờ học.

- Hỗ trợ được những học sinh có nhu cầu đặc biệt trong học tập.

- Đánh giá được sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh; góp phần hoàn thiện những công dân có trình độ văn hoá và khả năng sáng tạo cao.

- Xây dựng, quản lí và khai thác được hồ sơ dạy học.

C14: Tiêu chí 2: Năng lực giáo dục

Tiêu chí 2 gồm 9 chỉ báo:

- Thực hiện được nhiệm vụ giáo dục đạo đức, trí tuệ, thẩm mĩ, thể chất thông qua việc giảng dạy môn học và tích hợp được các nội dung giáo dục trong các hoạt động chính khoá và ngoại khoá theo kế hoạch đã xây dựng.

- Xây dựng và tổ chức được những hoạt động giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế, thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.

- Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức giáo dục học sinh vào tình huống sư phạm cụ thể, phù hợp đối tượng và môi trường giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra.

- Xử lí được các tình huống giáo dục, đặc biệt là những hành vi không mong đợi của học sinh, đáp ứng mục tiêu giáo dục.

- Có khả năng phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.

- Có khả năng tư vấn, tham vấn cho học sinh.

- Thực hiện được nhiệm vụ giáo dục qua các hoạt động trong cộng đồng như: lao động công ích, hoạt động xã hội... theo kế hoạch đã xây dựng.

- Đánh giá được kết quả rèn luyện của học sinh một cách chính xác, khách quan, công bằng và có tác dụng thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên của học sinh.

- Thực hiện được công tác chủ nhiệm lớp.

C15: Tiêu chí 3: Năng lực định hướng sự phát triển học sinh

Tiêu chí 3 gồm 3 chỉ báo:

- Nhận diện được đặc điểm cá nhân và điều kiện, hoàn cảnh sống (về văn hoá, xã hội) của học sinh; dự báo được xu hướng phát triển của học sinh.

- Hỗ trợ được học sinh xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân; theo dõi và có giải pháp giúp học sinh thực hiện những kế hoạch đó.

- Hỗ trợ được học sinh tự đánh giá và điều chỉnh.

C16: Tiêu chí 4: Năng lực hoạt động xã hội

Tiêu chí 4 gồm 3 chỉ báo:

- Tham gia, tổ chức và thực hiện được các hoạt động phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học và giáo dục học sinh.

- Thực hiện được những hoạt động phát triển văn hoá – xã hội nói chung và ở địa phương nơi nhà trường cư trú nói riêng.

- Vận động được người khác tham gia các hoạt động của cộng đồng; của các tổ chức chính trị – xã hội trong nhà trường và ở địa phương (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, các hiệp hội khoa học, nghề nghiệp...).

C17: Tiêu chí 5: Năng lực phát triển nghề nghiệp

Tiêu chí 5 gồm 4 chỉ báo:

- Lập và triển khai được mục tiêu, kế hoạch chi tiết, cụ thể của cá nhân trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.

- Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp, kĩ thuật phù hợp trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.

- Tìm kiếm, tổng hợp và khai thác được các nguồn tài nguyên đa dạng (sách, báo, các phương tiện thông tin) phục vụ cho hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.

- Tự đánh giá và điều chỉnh được bản thân trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.

Tiêu chuẩn 4: Năng lực khoa học ngành Giáo dục Tiểu học

Khung chuẩn đầu ra của tiêu chuẩn 4 gồm 6 tiêu chí xác định như sau:

C18: Tiêu chí 1: Năng lực làm chủ khoa học ngành Giáo dục Tiểu học

Tiêu chí 1 gồm 3 chỉ báo:

- Làm chủ được các kiến thức cơ bản về tâm sinh lí học sinh tiểu học để vận

dụng vào quá trình tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học.

- Làm chủ được các kiến thức cơ bản về giáo dục học tiểu học để vận dụng vào quá trình tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học.

- Làm chủ được các kiến thức cơ bản của các khoa học liên quan với các môn học, hoạt động giáo dục ở trường tiểu học để vận dụng vào quá trình tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học.

C19: Tiêu chí 2: Năng lực vận dụng học vấn giáo dục tổng quát và học vấn của ngành học ở đại học để giải thích nội dung dạy học các môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học

Tiêu chí 2 gồm 3 chỉ báo:

- Mô tả được mục tiêu và nội dung của các môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.

- Giải thích được chương trình các môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học bằng cách vận dụng kiến thức cơ sở của các ngành học tương ứng được trang bị ở đại học.

- Xác định được từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong chương trình các môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.

C20: Tiêu chí 3: Năng lực vận dụng học vấn giáo dục tổng quát và học vấn của ngành học vào thực tiễn dạy học và giáo dục ở tiểu học

Tiêu chí 3 gồm 3 chỉ báo:

- Phát triển được chương trình nhà trường, chương trình lớp học, chương trình môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.

- Thực hiện được chương trình nhà trường, chương trình lớp học, chương trình môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.

- Đánh giá được việc phát triển và thực hiện chương trình nhà trường, chương trình lớp học, chương trình môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.

C21: Tiêu chí 4: Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học

Tiêu chí 4 gồm 3 chỉ báo:

- Xây dựng được kế hoạch nghiên cứu thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học.

- Thực hiện được hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học.

- Đề xuất được hướng ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

C22: Tiêu chí 5: Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn

Tiêu chí 5 gồm 3 chỉ báo:

- Khai thác, tra cứu, sử dụng được các tài liệu tiếng nước ngoài phục vụ cho các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học.

- Giao tiếp được bằng tiếng nước ngoài trong một số hoạt động chuyên môn ở tiểu học.

- Sử dụng được một số tài liệu tiếng nước ngoài để hỗ trợ và nâng cao hiệu quả dạy học ở tiểu học.

C23: Tiêu chí 6: Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn

Tiêu chí 6 gồm 3 chỉ báo:

- Sử dụng được máy tính và các phần mềm thông dụng phục vụ cho các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học.

- Khai thác, tra cứu, sử dụng và quản lí được các nguồn tài nguyên thông tin phục vụ cho các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học.

- Ứng dụng các phương tiện, thiết bị trong việc hỗ trợ dạy học ở tiểu học một cách hiệu quả, phù hợp với khả năng và nhu cầu của học sinh tiểu học.

2.2. Ma trận các tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ báo của khung chuẩn đầu ra

2.2.1. Ma trận các tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực chung và năng lực sư phạm (Tiêu chuẩn 1, 2, 3)

Tiêu chuẩn		Tiêu chí	Chỉ báo
Phẩm chất	**Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất**	**Tiêu chí 1: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước**	– Yêu thiên nhiên; tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường. – Hiểu và chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần bảo vệ và xây dựng đất nước. – Yêu quê hương, yêu đất nước; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
		Tiêu chí 2: Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh	– Tôn trọng, thừa nhận và tin tưởng vào khả năng học tập và sự thay đổi tích cực của học sinh. – Yêu thương học sinh; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ học sinh trong học tập, rèn luyện và trong cuộc sống. – Cam kết nuôi dưỡng và phát huy tiềm năng của từng học sinh; tư vấn, hỗ trợ học sinh quyết định hướng đi của cuộc đời mình.
		Tiêu chí 3: Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học	– Nhận thức được ba giá trị cốt lõi làm nền tảng cho hệ giá trị nghề dạy học trong thời đại hiện nay là: giá trị liên quan đến người học; ý nghĩa tác động sư phạm của giáo dục; trách nhiệm giáo dục mà xã hội giao phó.

			– Yêu nghề, tận tâm với nghề. – Tạo dựng được niềm tin và tự hào về nghề dạy học.
		Tiêu chí 4: Trung thực và đáng tin cậy	– Nhận thức và hành động theo lẽ phải; sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải. – Trung thực trong học tập và trong cuộc sống; đấu tranh với các hành vi gian lận, vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật. – Chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ bạn bè trong học tập, rèn luyện; tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng.
		Tiêu chí 5: Trách nhiệm và tận tâm	– Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường và xã hội. – Có ý thức tự đánh giá để xây dựng kế hoạch cá nhân. – Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt khó trong học tập. – Tôn trọng, thừa nhận sự khác biệt giữa mọi người về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân. – Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
		Tiêu chí 6: Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	– Ý thức được vai trò và ý nghĩa của tự học, tự nghiên cứu suốt đời đối với người giáo viên. Qua đó, có ý thức trở thành người *biết suy nghĩ, phải suy nghĩ* và *được quyền suy nghĩ*. – Coi trọng việc tìm kiếm, lựa chọn những tri thức cần thiết để tự học, tự nghiên cứu suốt đời để phục vụ cho cuộc sống hiện tại và tương lai của chính người học. – Nỗ lực tìm kiếm các phương pháp tự học, tự nghiên cứu phù hợp để đạt được mục đích.
Năng lực	**Tiêu chuẩn 2: Năng lực chung**	**Tiêu chí 1: Năng lực tự chủ và thích ứng với những**	– Tạo dựng được lối sống tự lực; khẳng định và bảo vệ được quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật. – Tự điều chỉnh được xúc cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng.

		thay đổi	– Điều chỉnh được hiểu biết, thái độ, kĩ năng, kinh nghiệm của cá nhân để thích ứng với các yếu tố mới, hoạt động mới, môi trường sống mới. – Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới cũng như thích ứng được với các mối quan hệ xã hội. – Hình thành và sử dụng được hệ thống kĩ năng (cơ bản và kĩ năng mềm) trong ứng xử với sự đa dạng và thay đổi.
		Tiêu chí 2: Năng lực giao tiếp và hợp tác	– Sử dụng được tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp hàng ngày và trong hoạt động chuyên môn. – Xác định được mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện và thái độ giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội. – Thực hiện được các yêu cầu của giao tiếp sư phạm với học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh, cán bộ quản lí các cấp và cộng đồng. – Thực hiện được các yêu cầu, nhiệm vụ hợp tác trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và trong cuộc sống. – Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong học tập và hoạt động nghề nghiệp. – Thực hiện được hoạt động nhóm hiệu quả. – Thể hiện được sự tôn trọng những khác biệt, đa dạng của cá nhân và nhóm trong giao tiếp. – Có những hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế.
		Tiêu chí 3: Năng lực lãnh đạo	– Ý thức được sự lãnh đạo là phục vụ xã hội một cách chính đáng và chuyên nghiệp. – Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác. – Xác định được nhu cầu và khả năng của người khác để thu hút, thuyết phục, dẫn dắt và tổ chức trong công việc.
		Tiêu chí 4:	– Đưa ra được ý tưởng mới.

		Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	– Xác định được tình huống có vấn đề; phát hiện và làm rõ vấn đề; thu thập, sắp xếp, giải thích và đánh giá được độ tin cậy của thông tin; chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác. – Hình thành và triển khai được ý tưởng mới. – Đề xuất, lựa chọn được giải pháp; thiết lập được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề. – Thiết kế và tổ chức được hoạt động; thực hiện và trình bày được giải pháp giải quyết vấn đề. – Đánh giá được giải pháp đã thực hiện; phản ánh được giá trị của giải pháp; khái quát hoá được cho vấn đề tương tự.
		Tiêu chí 5: Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội	– Có hiểu biết cơ bản về nền văn hoá dân tộc và những vấn đề kinh tế – xã hội quan trọng của đất nước. – Phát triển được văn hoá cá nhân để tạo dựng đời sống tinh thần phong phú và lối sống có văn hoá phù hợp với chuẩn mực xã hội, phù hợp với môi trường nhà trường. – Thiết kế và tổ chức được các hoạt động xây dựng môi trường văn hoá nhà trường để hỗ trợ, thúc đẩy học tập.
		Tiêu chí 6: Năng lực phản biện	– Có tư duy độc lập. – Phân tích và đánh giá được thông tin đã có theo cách nhìn khác nhau nhằm làm sáng tỏ và khẳng định được tính chính xác của thông tin. – Lập luận phản bác có cơ sở khoa học đối với kết quả của một quá trình tư duy để xác định lại tính chính xác của kết luận.

	Tiêu chuẩn 3: Năng lực sư phạm	**Tiêu chí 1: Năng lực dạy học**	– Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa. – Lựa chọn được những phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học bộ môn phù hợp, hiệu quả. – Xây dựng và thực hiện được các chủ đề (hay bài soạn) dạy học tích hợp, dạy học phân hoá. – Xây dựng được kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học theo hướng tích hợp dạy học với giáo dục phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục. – Tổ chức được các hoạt động học tập của học sinh; vận dụng được các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh, phát triển năng lực tự học của học sinh. – Tổ chức và quản lí được lớp học, tạo dựng được môi trường học tập hiệu quả trong giờ học. – Hỗ trợ được những học sinh có nhu cầu đặc biệt trong học tập. – Đánh giá được sự tiến bộ và kết quả học tập
			của học sinh; góp phần hoàn thiện những công dân có trình độ văn hoá và khả năng sáng tạo cao. – Xây dựng, quản lí và khai thác được hồ sơ dạy học.
		Tiêu chí 2: Năng lực giáo dục	– Thực hiện được nhiệm vụ giáo dục đạo đức, trí tuệ, thẩm mĩ, thể chất thông qua việc giảng dạy môn học và tích hợp được các nội dung giáo dục trong các hoạt động chính khoá và ngoại khoá theo kế hoạch đã xây dựng. – Xây dựng và tổ chức được những hoạt động giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế, thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. – Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức giáo dục học sinh vào tình huống sư phạm cụ thể, phù hợp đối tượng và

			môi trường giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra. – Xử lí được các tình huống giáo dục, đặc biệt là những hành vi không mong đợi của học sinh, đáp ứng mục tiêu giáo dục. – Có khả năng phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. – Có khả năng tư vấn, tham vấn cho học sinh. – Thực hiện được nhiệm vụ giáo dục qua các hoạt động trong cộng đồng như: lao động công ích, hoạt động xã hội... theo kế hoạch đã xây dựng. – Đánh giá được kết quả rèn luyện của học sinh một cách chính xác, khách quan, công bằng và có tác dụng thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên của học sinh. – Thực hiện được công tác chủ nhiệm lớp.
		Tiêu chí 3: Năng lực định hướng sự phát triển học sinh	– Nhận diện được đặc điểm cá nhân và điều kiện, hoàn cảnh sống (về văn hoá, xã hội) của học sinh; dự báo được xu hướng phát triển của học sinh.
			– Hỗ trợ được học sinh xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân; theo dõi và có giải pháp giúp học sinh thực hiện những kế hoạch đó. – Hỗ trợ được học sinh tự đánh giá và điều chỉnh.
		Tiêu chí 4: Năng lực hoạt động xã hội	– Tham gia, tổ chức và thực hiện được các hoạt động phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học và giáo dục học sinh. – Thực hiện được những hoạt động phát triển văn hoá – xã hội nói chung và ở địa phương nơi nhà trường cư trú nói riêng. – Vận động được người khác tham gia các hoạt động của cộng đồng; của các tổ chức chính trị xã hội trong nhà trường và ở địa phương (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, các hiệp hội khoa học, nghề nghiệp...).

		Tiêu chí 5: Năng lực phát triển nghề nghiệp	– Lập và triển khai được mục tiêu, kế hoạch chi tiết, cụ thể của cá nhân trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp. – Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp, kĩ thuật phù hợp trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp. – Tìm kiếm, tổng hợp và khai thác được các nguồn tài nguyên đa dạng (sách, báo, các phương tiện thông tin) phục vụ cho hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp. – Tự đánh giá và điều chỉnh được bản thân trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.

2.2.2. Ma trận tiêu chuẩn về năng lực khoa học ngành Giáo dục Tiểu học (tiêu chuẩn 4)

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
1. Năng lực làm chủ khoa học ngành	1.1. Làm chủ được các kiến thức cơ bản về tâm sinh lí học sinh tiểu học	1.1.1. Trình bày được những hiểu biết đầy đủ và hệ thống về kiến thức tâm	– Quy luật phát triển cơ thể trẻ em. – Đặc điểm cấu tạo, sự phát triển của các hệ cơ quan trong cơ thể. – Đặc điểm hoạt động	– Tâm lí học tiểu học
giáo dục tiểu học	để vận dụng vào quá trình tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học.	sinh lí học sinh tiểu học. 1.1.2. Chỉ ra được mối quan hệ giữa các kiến thức tâm sinh lí học sinh tiểu học với nội dung dạy học và giáo dục ở tiểu học. 1.1.3. Đề xuất được phương hướng vận dụng	thần kinh cấp cao trong quá trình phát triển của trẻ và vai trò của chúng trong sự phát triển thể chất, tư duy và tinh thần, trong quá trình hình thành thói quen, kĩ năng, kĩ xảo ở trẻ. – Những hiểu biết cơ bản, hiện đại, chuyên sâu về sự phát triển tâm lí, đặc điểm phát triển tâm lí nói chung và các	

		kiến thức tâm sinh lí học sinh tiểu học vào các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học.	phương diện tâm lí nói riêng ở học sinh tiểu học. – Kĩ năng nghiên cứu, giải thích các hiện tượng tâm lí của học sinh tiểu học; vận dung kiến thức đã học vào việc tổ chức các hoạt động dạy học ở trường tiểu học. – Những hiểu biết cơ bản, hiện đại, chuyên sâu về các cơ sở tâm lí học của việc tổ chức hoạt động giáo dục ở trường tiểu học, về tâm lí học người giáo viên tiểu học. – Vận dụng kiến thức đã học vào việc tổ chức các hoạt động của học sinh ở trường tiểu học.	
	1.2. Làm chủ được các kiến thức cơ bản về giáo dục học tiểu học để vận	1.2.1. Trình bày được những hiểu biết đầy đủ và hệ thống về kiến thức giáo	– Những kiến thức về cơ bản về giáo dục học như: đối tượng, chức năng của giáo dục; Các tư tưởng, quan điểm giáo dục trên thế giới và Việt	– Giáo dục học tiểu học – Công tác chủ nhiệm lớp và công tác Đội ở trường tiểu học
	dụng vào quá trình tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học.	dục học tiểu học. 1.2.2. Chỉ ra được mối quan hệ giữa các kiến thức giáo dục học tiểu học với nội dung dạy học và giáo dục ở tiểu học. 1.2.3. Đề xuất được phương	Nam; Vai trò của giáo dục với sự phát triển xã hội và cá nhân. – Mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục tiểu học trong hệ thống giáo dục quốc dân; Các yêu cầu cơ bản của nhà trường tiểu học. – Những kiến thức về	- Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1 – Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2 – Phương pháp dạy học Toán học ở tiểu học 1 – Phương pháp dạy

		hướng vận dụng kiến thức giáo dục học tiểu học vào các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học.	giáo dục tiểu học như khái niệm, chức năng, logic quá trình giáo dục tiểu học, các nguyên tắc giáo dục tiểu học, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục tiểu học. – Vận dụng những kiến thức về giáo dục tiểu học, nhất là các nguyên tắc, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, vào việc giáo dục học sinh tiểu học.	học Toán học ở tiểu học 2 – Hình thành và phát triển năng lực tư duy cho học sinh trong dạy học môn Toán ở tiểu học – Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1 – Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2 – Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học – Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học – Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học – Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học *Tự chọn:* - Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học – Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng Tiếng Anh

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
				– Dạy học phát triển năng lực các môn về Tự nhiên và Xã hội – Giáo dục địa phương ở tiểu học – Đánh giá trong giáo dục tiểu học – Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Toán ở tiểu học
	1.3. Làm chủ được các kiến thức cơ bản của các khoa học liên quan với các môn học, hoạt động giáo dục ở trường tiểu học để vận dụng vào quá trình tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học.	1.3.1. Trình bày được những hiểu biết cơ bản và hệ thống về kiến thức nền tảng của các khoa học liên quan với các môn học, hoạt động giáo dục ở trường tiểu học. 1.3.2. Chỉ ra được mối quan hệ giữa các kiến thức cơ bản của các khoa học liên quan với các môn học, hoạt động giáo dục ở trường tiểu học. 1.3.3. Đề xuất	– Những kiến thức khái quát về ngôn ngữ học đại cương và biểu hiện của những kiến thức ấy trong tiếng Việt; Những khái niệm ngữ âm, đặc điểm của hệ thống ngữ âm tiếng Việt; Những kiến thức cơ bản về từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt: cấu tạo từ, nghĩa của từ, cụm từ cố định, các trường nghĩa, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm...; Thực hành liên quan tới nội dung kiến thức đã học; Liên hệ với thực tiễn dạy học các nội dung tương ứng ở tiểu học. – Từ loại tiếng Việt; Cú pháp tiếng Việt (cụm từ, câu, thành phần câu, các kiểu câu); Ngữ pháp văn bản tiếng Việt (văn bản	– Giáo dục học tiểu học – Công tác chủ nhiệm lớp và công tác Đội ở trường tiểu học - Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 1 – Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 2 – Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 3 – Cơ sở Văn học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học – Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 1 – Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 2 – Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 3 – Thực hành giải toán 1 – Thực hành giải toán 2 – Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
		được phương hướng vận dụng kiến thức cơ bản của các khoa học liên quan với các môn học, hoạt động giáo dục ở trường tiểu học.	và đoạn văn); Phong cách học tiếng Việt (phong cách chức năng, phương tiện và biện pháp tu từ); Mối quan hệ giữa những vấn đề đã học với thực tiễn dạy học các nội dung tương ứng trong môn Tiếng Việt ở tiểu học. – Các đặc trưng của văn học trong tư cách một loại hình nghệ thuật sử dụng ngôn từ làm chất liệu phản ánh; Các yếu tố tạo nên nội dung và hình thức tác phẩm văn học; Đặc điểm của các thể loại văn học chính... – Cơ sở của ngôn ngữ toán học ở tiểu học; Cơ sở toán học của yếu tố thống kê và xác suất trong môn toán tiểu học; Cơ sở toán học của các yếu tố hình học và đo lường ở tiểu học. – Cơ sở toán học của ba tập hợp số tự nhiên, phân số và số thập phân ở tiểu học; Cơ sở toán học của các phương pháp giải toán ở tiểu học. – Kiến thức khoa học cơ bản thuộc các lĩnh vực địa lí, vật lí, hoá học, sinh học, lịch sử làm cơ sở cho việc dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học; Giải	- Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2 - Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1 - Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 - Thực hành giải toán ở tiểu học 1 - Thực hành giải toán ở tiểu học 2 - Hình thành và phát triển năng lực tư duy cho học sinh trong dạy học môn Toán ở tiểu học - Cơ sở khoa học của dạy học các môn Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học - Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1 - Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2 - Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học - Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học - Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học - Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
			thích được những hiện tượng tự nhiên và xã hội thường gặp và vận dụng vào dạy học các môn học về tự nhiên xã hội. – Kiến thức cơ bản về âm nhạc; kiến thức sơ lược về thường thức âm nhạc và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc ở tiểu học. – Kiến thức cơ bản của loại hình mĩ thuật, kĩ năng ứng dụng vào nhà trường phổ thông; phương pháp và hình thức tổ chức dạy học Mĩ thuật ở tiểu học – Nguyên tắc vận hành một số thiết bị điện – điện tử dân dụng phổ biến; một số khái niệm cơ bản về thiết kế, kĩ thuật và công nghệ, giáo dục STEM, các yếu tố ảnh hưởng tới thiết kế; một số kiến thức cơ bản về vật liệu thủ công, dụng cụ đo; một số kiến thức cơ bản về trồng trọt chăm sóc hoa và cây cảnh; Sử dụng được một số thiết bị điện – điện tử dân dụng trong dạy học; Vận dụng được quy trình thiết kế kĩ thuật để xây dựng được chủ đề và tạo ra sản phẩm thủ công, sản phẩm công nghệ đơn giản; Sử dụng được các ứng dụng công nghệ	*Tự chọn:* – Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học - Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học - Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập môn Toán ở tiểu học - Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng Tiếng Anh - Dạy học phát triển năng lực các môn về Tự nhiên và Xã hội - Giáo dục địa phương ở tiểu học - Đánh giá trong giáo dục tiểu học - Giáo dục Stem ở tiểu học

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
			thông tin để tăng cường hiệu quả dạy học ở tiểu học.	
2. Năng lực vận dụng học vấn giáo dục tổng quát và học vấn của ngành học ở đại học để giải thích nội dung dạy học các môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học	***2.1.*** Mô tả được mục tiêu và nội dung của các môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.	2.1.1. Trình bày được các mục tiêu và nội dung tương ứng của từng môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học; nói rõ được những điểm mới về mục tiêu và nội dung của các môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học. 2.1.2. Giải thích được mục tiêu, cấu trúc và nội dung của từng môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học. 2.1.3. Đề xuất được định hướng các hoạt động để đáp ứng mục tiêu và phù hợp với nội dung của các môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.	– Liên hệ các kiến thức về ngôn ngữ học đại cương và Việt ngữ học đã học với môn học Tiếng Việt ở tiểu học để mô tả và giải thích được mục tiêu, cấu trúc, nội dung... của môn học này. Từ đó định hướng các nội dung dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học. – Liên hệ các kiến thức về văn học trẻ em với hệ thống ngữ liệu trong môn Tiếng Việt ở tiểu học để mô tả và giải thích việc lựa chọn ngữ liệu, định hướng nội dung ngữ liệu dạy Tiếng Việt ở tiểu học. – Vân dụng các học vấn về: Cơ sở của ngôn ngữ toán học ở tiểu học, Cơ sở toán học của yếu tố thống kê và xác suất trong môn toán tiểu học, Cơ sở toán học của các yếu tố hình học và đo lường ở tiểu học, Cơ sở toán học của ba tập hợp số tự nhiên, phân số và số thập phân ở tiểu học, Cơ sở toán học của các phương pháp giải toán ở tiểu học để mô tả và giải thích được mục tiêu, cấu trúc, nội dung... của môn học này. Từ đó định	- Giáo dục học tiểu học - Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 1 - Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 2 - Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 3 - Cơ sở Văn học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học - Tiếng Việt thực hành - Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 1 - Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 2 - Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 3 - Thực hành giải toán 1 - Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1 - Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2 - Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1 – Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 - Thực hành giải toán 2

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
			hướng các nội dung dạy học môn Toán ở tiểu học. – Liên hệ những kiến thức khoa học cơ bản thuộc các lĩnh vực địa lí, vật lí, hoá học, sinh học, lịch sử để mô tả và giải thích được mục tiêu, cấu trúc, nội dung... của môn học về tự nhiên xã hội ở tiểu học. Từ đó định hướng các nội dung dạy học các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học. – Vận dụng thức cơ bản về âm nhạc và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc ở tiểu học để mô tả và giải thích được mục tiêu, cấu trúc, nội dung... của môn học này ở tiểu học. Từ đó định hướng các nội dung dạy học môn Âm nhạc ở tiểu học. – Vận dụng thức cơ bản về mĩ thuật và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục mĩ thuật để mô tả và giải thích được mục tiêu, cấu trúc, nội dung... của môn học này ở tiểu học. Từ đó định hướng các nội dung dạy học môn Mĩ thuật ở tiểu học. – Vận dụng một số kiến thức về tin học và công nghệ để mô tả và giải thích được mục tiêu, cấu	- Hình thành và phát triển năng lực tư duy cho học sinh trong dạy học môn Toán ở tiểu học - Cơ sở khoa học của dạy học các môn Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học - Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1 - Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2 - Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học - Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học – Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học – Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học *Tự chọn:* – Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học - Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học – Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Toán ở tiểu học

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
			trúc, nội dung... của môn học này ở tiểu học. Từ đó định hướng các nội dung dạy học môn Tin học và công nghệ ở tiểu học. – Vận dụng những kiến thức, kĩ năng cơ bản về giáo dục đạo đức để mô tả và giải thích được mục tiêu, cấu trúc, nội dung... của môn học này ở tiểu học. Từ đó định hướng các nội dung dạy học môn Đạo đức ở tiểu học.	– Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng Tiếng Anh – Dạy học phát triển năng lực các môn về Tự nhiên và Xã hội – Giáo dục địa phương ở tiểu học - Đánh giá trong giáo dục tiểu học
	2.2. Giải thích được chương trình các môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học bằng cách vận dụng kiến thức cơ sở của các ngành học tương ứng được trang bị ở đại học.	2.2.1. Đưa ra được cơ sở lí luận và thực tiễn của chương trình các môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học. 2.2.2. Giải thích được cơ sở lí luận và thực tiễn của việc xác định chương trình các môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học. 2.2.3. Đề xuất được cách thức vận dụng các kiến thức cơ sở của ngành học tương ứng ở	– Thực hành các kiến thức về ngôn ngữ học đại cương và Việt ngữ học đã học liên hệ với môn học Tiếng Việt ở tiểu học để giải thích những cơ sở ngôn ngữ học của môn học này. – Phân tích mối quan hệ giữa những vấn đề đã học: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách học... với thực tiễn dạy học các nội dung tương ứng trong môn Tiếng Việt ở tiểu học. – Vận dụng những kiến thức đã học về ngôn ngữ học và Tiếng Việt vào việc lựa chọn nội dung dạy học và tổ chức các hoạt động dạy học Tiếng Việt. – Vận dụng các kiến thức về văn học trẻ em	- Giáo dục học tiểu học - Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 1 - Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 2 - Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 3 - Cơ sở Văn học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học - Tiếng Việt thực hành - Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 1 - Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 2 - Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán 3 - Thực hành giải toán 1

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
		đại học vào các môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.	để giải thích và lựa chọn ngữ liệu dạy Tiếng Việt ở tiểu học. – Liên hệ và vận dụng các học vấn về: Cơ sở của ngôn ngữ toán học ở tiểu học, Cơ sở toán học của yếu tố thống kê và xác suất trong môn toán tiểu học, Cơ sở toán học của các yếu tố hình học và đo lường ở tiểu học, Cơ sở toán học của ba tập hợp số tự nhiên, phân số và số thập phân ở tiểu học, Cơ sở toán học của các phương pháp giải toán ở tiểu học để giải thích chương trình môn Toán ở tiểu học. – Liên hệ và vận dụng kiến thức khoa học cơ bản thuộc các lĩnh vực địa lí, vật lí, hoá học, sinh học, lịch sử làm cơ sở cho việc dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học và để giải thích được các hiện tượng tự nhiên và xã hội thường gặp và vận dụng vào dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội. – Liên hệ và vận dụng kiến thức cơ bản về âm nhạc; kiến thức sơ lược về thường thức âm nhạc để giải thích chương trình môn Âm nhạc ở	- Thực hành giải toán 2 - Hình thành và phát triển năng lực tư duy cho học sinh trong dạy học môn Toán ở tiểu học - Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1 - Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2 - Phương pháy dạy học Toán ở tiểu học 1 - Phương pháp dạy học Toán học ở tiểu học 2 - Cơ sở khoa học của dạy học các môn Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học - Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1 - Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2 - Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học - Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học - Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học - Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học *Tự chọn:* - Đổi mới phương

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
			tiểu học. – Liên hệ và vận dụng kiến thức cơ bản của loại hình mĩ thuật, bao gồm: Lịch sử mĩ thuật, những nội dung Thực hành cơ bản, Kĩ năng ứng dụng vào nhà trường phổ thông để giải thích nội dung chương trình và hình thức tổ chức dạy học môn Mĩ thuật ở tiểu học. – Liên hệ và vận dụng các kiến thức về tin học và công nghệ đã học để giải thích nội dung chương trình trình môn Tin học và Công nghệ ở tiểu học.	pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học – Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học - Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Toán ở tiểu học – Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng Tiếng Anh – Dạy học phát triển năng lực các môn về Tự nhiên và Xã hội – Giáo dục địa phương ở tiểu học - Đánh giá trong giáo dục tiểu học
	2.3.Xác định được từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong chương trình các môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.	2.3.1. Chỉ ra được từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong chương trình các môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học. 2.3.2. Giải thích được vai trò, ý nghĩa của từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong chương trình các môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học. 2.3.3. Đề xuất	– Những hiểu biết về hệ thống ngữ âm tiếng Việt bao gồm: phát âm đúng và viết đúng chính tả hệ thống âm, vần, thanh điệu; Đọc đúng và đọc diễn cảm văn bản nghệ thuật và văn bản thông tin; Có những kiến thức cơ bản về từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt: cấu tạo từ, nghĩa của từ, cụm từ cố định, các hệ thống từ vựng từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm... – Từ loại tiếng Việt; Cú pháp tiếng Việt (cụm từ, câu, thành phần câu, các kiểu câu); Một số hiểu biết sơ giản vê văn bản và đoạn văn; Phương	- Giáo dục học tiểu học - Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 1 - Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 2 - Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 3 - Cơ sở Văn học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học - Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 1 - Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 2 - Cơ sở Toán học

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
		được cách thức xác định và sử dụng từng đơn vị kiến thức cốt lõi trong chương trình các môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học thông.	tiện và biện pháp tu từ như: nhân hoá, so sánh...; Viết đoạn văn theo thể loại như: kể chuyện, miêu tả, biểu cảm... – Những hiểu biết về các nội dung toán học có liên quan trong chương trình môn Toán ở tiểu học: Các tập hợp số, hình học sơ cấp, xác suất thống kê. – Những hiểu biết về các kiến thức khoa học cơ bản thuộc các lĩnh vực địa lí, vật lí, hoá học, sinh học, lịch sử làm cơ sở cho việc dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học; Giải thích được những hiện tượng tự nhiên và xã hội thường gặp trong cuộc sống và vận dụng vào dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội. – Kiến thức cơ bản về âm nhạc; kiến thức sơ lược về thường thức âm nhạc và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc ở tiểu học. – Kiến thức cơ bản của loại hình mĩ thuật, bao gồm: Lịch sử mĩ thuật, những nội dung Thực hành cơ bản, Kĩ năng ứng dụng vào nhà trường phổ thông; những vấn đề lí luận chung về	của dạy học môn Toán ở tiểu học 3 - Thực hành giải toán 1 - Thực hành giải toán 2 - Hình thành và phát triển năng lực tư duy cho học sinh trong dạy học môn Toán ở tiểu học - Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1 - Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2 - Phương pháp dạy học Toán học ở tiểu học 1 - Phương pháp dạy học Toán học ở tiểu học 2 - Cơ sở khoa học của dạy học các môn Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học - Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1 - Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2 - Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học - Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học - Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học - Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
			phương pháp dạy học Mĩ thuật ở phổ thông nói chung và tiểu học nói riêng; mục tiêu, nội dung, chương trình và hình thức tổ chức dạy học môn Mĩ thuật ở tiểu học – Nguyên tắc vận hành một số thiết bị điện – điện tử dân dụng phổ biến; một số khái niệm cơ bản về thiết kế, kĩ thuật và công nghệ, giáo dục STEM, các yếu tố ảnh hưởng tới thiết kế; một số kiến thức cơ bản về vật liệu thủ công, phương pháp gia công, dụng cụ đo; một số kiến thức cơ bản về trồng trọt chăm sóc hoa và cây cảnh; Sử dụng được một số thiết bị điện – điện tử dân dụng phổ biến trong dạy học; Vận dụng được quy trình thiết kế kĩ thuật để xây dựng được chủ đề và tạo ra sản phẩm thủ công; Sử dụng được các ứng dụng công nghệ thông tin để tăng cường hiệu quả dạy học ở tiểu học.	*Tự chọn:* – Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học - Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học - Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Toán ở tiểu học - Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng Tiếng Anh - Dạy học phát triển năng lực các môn về Tự nhiên và Xã hội - Giáo dục địa phương ở tiểu học - Đánh giá trong giáo dục tiểu học - Giáo dục Stem ở tiểu học
3. Năng lực vận dụng học vấn giáo dục	3.1. Phát triển được chương trình nhà trường, chương trình lớp học, chương trình	3.1.1. Chỉ ra được những định hướng để phát triển chương trình. 3.1.2. Đưa ra các thông tin	1. Tổng quan về chương trình giáo dục tiểu học. 2. Nội dung và phương pháp dạy học các môn học ở tiểu học. 3. Tổng thể chương trình, sách giáo khoa dạy	- Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1 - Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
tổng quát và học vấn của ngành học vào thực tiễn dạy học và giáo dục ở tiểu học	môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.	đã thu thập được để phát triển chương trình môn học. 3.1.3. Xây dựng được kế hoạch dạy học trong khoảng thời gian nhất định (tuần/tháng/kì/ năm) ở tiểu học và thiết kế được kế hoạch bài học và hoạt động trải nghiệm cụ thể ở tiểu học theo tiếp cận năng lực phù hợp với học sinh tiểu học.	học các môn học ở tiểu học. 4. Những kiến thức cơ bản về mục tiêu, nội dung dạy học, nguyên tắc, phương pháp dạy học các môn học ở tiểu học. 5. Tìm hiểu chương trình sách giáo khoa, sách giáo viên và các tài liệu tham khảo. 6. Tìm hiểu trình độ và các kĩ năng của học sinh. 7. Lập kế hoạch chuẩn bị từng tiết lên lớp cho các môn học. 8. Tiến hành dạy học, thực hành kiểm tra đánh giá học sinh. 9. Kết hợp công tác chủ nhiệm, công tác Đoàn, Đội hỗ trợ các môn học ở trường tiểu học, nội dung giáo dục địa phương...	– Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1 – Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 – Hình thành và phát triển năng lực tư duy cho học sinh trong dạy học môn Toán ở tiểu học – Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1 – Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2 – Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học – Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học – Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học – Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học – Công tác chủ nhiệm lớp và công các Đội ở tiểu học *Tự chọn:* - Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học - Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Toán ở tiểu học – Dạy học phát triển năng lực các môn về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
	3.2. Thực hiện được chương trình nhà trường, chương trình lớp học, chương trình môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.	3.2.1. Thực hiện được kế hoạch bài học đã thiết kế. 3.2.2. Xử lí được các tình huống sư phạm nảy sinh trong thực tiễn dạy học. 3.2.3. Điều chỉnh được kế hoạch đã xây dựng phù hợp với điều kiện dạy học.	– Đối tượng, nhiệm vụ, các cơ sở khoa học của phương pháp dạy học Tiếng Việt. Việc hình thành kĩ năng, kĩ xảo sử dụng tiếng Việt nói chung và những đặc điểm học chữ giai đoạn đầu của học sinh nói riêng. – Tổng thể chương trình, sách giáo khoa dạy học Tiếng Việt nói chung và các dạy học phát triển các năng lực Tiếng Việt ở tiểu học như: Đọc, Viết, Nghe-Nói. – Tìm hiểu chương trình sách giáo khoa, sách giáo viên và các tài liệu tham khảo môn Tiếng Việt tiểu học. – Lập kế hoạch chuẩn bị từng tiết lên lớp môn Tiếng Việt. – Tiến hành dạy học một giờ tiếng Việt, thực hành kiểm tra đánh giá học sinh. – Kết hợp công tác chủ nhiệm, công tác Đoàn Đội hỗ trợ cho dạy tiếng Việt cũng như kết hợp dạy tiếng Việt trong các giờ học khác... – Đại cương về phương pháp dạy học Toán ở tiểu học gồm: Mục tiêu; nhiệm vụ của môn học; phương pháp nghiên cứu	– Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1 – Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2 – Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1 – Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 – Thực hành giải toán ở tiểu học 1 – Thực hành giải toán ở tiểu học 2 – Hình thành và phát triển năng lực tư duy cho học sinh trong dạy học môn Toán ở tiểu học – Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1 – Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2 – Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học – Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học – Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học – Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học – Công tác chủ nhiệm lớp và công các Đội ở tiểu học *Tự chọn:* – Dạy học Toán ở

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
			thường dùng để nghiên cứu môn học; Nội dung chương trình môn toán ở tiểu học; đặc điểm cấu trúc nội dung môn toán ở tiểu học; Hệ thống các phương pháp dạy học thường dùng để tổ chức dạy học; Thiết kế kế hoạch dạy học; Sử dụng đồ dùng dạy học.... – Một số kĩ năng về phương pháp dạy học Toán gồm: Kĩ năng phân tích nội dung chương trình môn toán ở tiểu học; kĩ năng sử dụng hệ thống các phương pháp dạy học đạt tới mức độ kĩ thuật để tổ chức dạy học; Kĩ năng điều chỉnh hoặc thiết kế kế hoạch dạy học. Kĩ năng sử dụng đồ dùng dạy học... – Nhận dạng và phân loại các bài toán ở tiểu học, phân tích cơ sở toán học của bài toán, giải bài toán theo 4 bước của Polya; Quan niệm về phát triển lời giải bài toán và thực hành phát triển lời giải bài toán; Một số nội dung cơ bản về kiểm tra, đánh giá và hướng dẫn thực hành các kĩ thuật đánh giá trong dạy học Toán ở tiểu học. – Những vấn đề chung về lí luận dạy học các môn học về tự nhiên và	tiểu học bằng Tiếng Anh – Dạy học phát triển năng lực các môn học về Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học - Giáo dục địa phương ở tiểu học –Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ ở tiểu học – Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Toán ở tiểu học – Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học - Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
			xã hội và hướng dẫn dạy học các chủ đề, các phân môn. Các vấn đề chung về lí luận dạy học các môn học này; Các phương pháp, hình thức tổ chức và các phương tiện dạy học chủ yếu của các môn học về tự nhiên xã hội. – Phân tích được cấu trúc chương trình, nguyên tắc xây dựng chương trình môn Tin học và Công nghệ; Phân tích được khung lí luận ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học; Chọn lọc, xây dựng nội dung, lập được kế hoạch dạy học phù hợp nội dung môn Tin học và Công nghệ tiểu học.vận dụng được quy trình thiết kế kĩ thuật để xây dựng được chủ đề và tạo ra sản phẩm thủ công, sản phẩm công nghệ đơn giản; Phân loại được các hình thức dạy học và lựa chọn công cụ thích hợp để tạo ra các sản phẩm... – Kiến thức cơ bản về âm nhạc; kiến thức sơ lược về thường thức âm nhạc và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc ở tiểu học. – Kiến thức cơ bản của loại hình mĩ thuật, bao	

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
			gồm: Lịch sử mĩ thuật, những nội dung Thực hành cơ bản, Kĩ năng ứng dụng vào nhà trường phổ thông; những vấn đề về phương pháp dạy học Mĩ thuật ở tiểu học; mục tiêu, nội dung, chương trình và hình thức tổ chức dạy học môn Mĩ thuật ở tiểu học. – Nêu vị trí, đặc điểm, mục tiêu môn Đạo đức ở tiểu học để thấy rõ những đặc trưng của môn học này trong việc thực hiện quá trình giáo dục đạo đức và từ đó góp phần đạt được mục đích giáo dục tiểu học; Nội dung môn Đạo đức: Làm rõ chương trình và các tài liệu dạy học môn Đạo đức ở tiểu học và hướng dẫn việc xây dựng nội dung dạy học môn Đạo đức cho học sinh tiểu học như: Phương pháp dạy học; Hình thức tổ chức giáo dục tiểu học; Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức...	
	3.3. Đánh giá được việc phát triển và thực hiện chương trình nhà trường, chương trình	3.3.1. Xác định được các tiêu chí, công cụ đánh giá. 3.3.2. Thực hiện được các bước đánh giá. 3.3.3. Chỉ ra	– Đánh giá quá trình nắm tiếng mẹ đẻ trong điều kiện học tập của học sinh tiểu học – những quy luật chung nhất của việc hình thành kĩ năng, kĩ xảo sử dụng tiếng Việt và những đặc	– Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1 – Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
	lớp học, chương trình môn học và hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.	được ưu điểm, nhược điểm của việc phát triển và thực hiện chương trình.	điểm học chữ giai đoạn đầu của học sinh nói riêng và quá trình rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe nói chung... – Đánh giá tổng thể chương trình, sách giáo khoa dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, việc tiếp thu các kiến thức cơ bản về mục tiêu, nội dung dạy học, nguyên tắc, phương pháp dạy học Tiếng Việt; việc lập kế hoạch chuẩn bị từng tiết lên lớp môn Tiếng Việt; Tiến trình dạy học một giờ Tiếng Việt, thực hành kiểm tra đánh giá học sinh... – Đánh giá tổng thể chương trình môn Toán ở tiểu học gồm: Mục tiêu; nhiệm vụ của môn học; phương pháp nghiên cứu thường dùng để nghiên cứu môn học; Nội dung chương trình môn toán ở tiểu học; đặc điểm cấu trúc nội dung môn toán ở tiểu học; Hệ thống các phương pháp dạy học thường dùng để tổ chức dạy học; Thiết kế kế hoạch dạy học; Sử dụng đồ dùng dạy học. ; Một số kĩ năng về phương pháp dạy học Toán gồm: Kĩ năng phân tích nội dung chương	– Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1 – Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 – Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1 – Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2 – Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học – Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học – Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học – Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học *Tự chọn:* – Dạy học Toán ở tiểu học bằng tiếng Anh – Dạy học phát triển năng lực các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học - Giáo dục địa phương ở tiểu học

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
			trình môn toán ở tiểu học; kĩ năng sử dụng hệ thống các phương pháp dạy học đạt tới mức độ kĩ thuật để tổ chức dạy học; Kĩ năng điều chỉnh hoặc thiết kế kế hoạch dạy học. Kĩ năng sử dụng đồ dùng dạy học; Nhận dạng và phân loại các bài toán ở tiểu học, phân tích cơ sở toán học của bài toán, giải bài toán theo 4 bước của Polya; Quan niệm về phát triển lời giải bài toán và thực hành phát triển lời giải bài toán; Một số nội dung cơ bản về kiểm tra và đánh giá trong dạy học toán ở tiểu học; Hướng dẫn thực hành các kĩ thuật đánh giá trong dạy học Toán ở tiểu học. – Đánh giá tổng thể chương trình các môn về tự nhiên và xã hội ở tiểu học bao gồm: Những vấn đề chung về lí luận dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội; Hướng dẫn dạy học các chủ đề, các phân môn; Các phương pháp, hình thức tổ chức và các phương tiện dạy học chủ yếu của các môn học. – Đánh giá tổng thể chương trình môn Tin học và Công nghệ bao	– Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học - Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học – Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Toán ở tiểu học

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
			gồm: Phân tích được cấu trúc chương trình, nguyên tắc xây dựng chương trình môn Tin học và Công nghệ; Phân tích được khung lí luận ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học; Chọn lọc, xây dựng nội dung, lập được kế hoạch dạy học phù hợp nội dung môn Tin học và Công nghệ tiểu học.vận dụng được quy trình thiết kế kĩ thuật để xây dựng được chủ đề và tạo ra sản phẩm thủ công, sản phẩm công nghệ đơn giản; Phân loại được các hình thức dạy học và lựa chọn công cụ thích hợp để tạo ra các sản phẩm như các dữ liệu đa phương tiện, các bài giảng điện tử hoặc khoá học điện tử. – Đánh giá môn Âm nhạc bao gồm: Những kiến thức cơ bản về âm nhạc; Kiến thức sơ lược về thường thức âm nhạc và Phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc ở tiểu học. – Đánh giá môn Mĩ thuật bao gồm: Những kiến thức cơ bản của loại hình mĩ thuật, bao gồm: Lịch sử mĩ thuật, những nội dung Thực hành cơ bản, Kĩ năng ứng dụng	

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
			vào nhà trường phổ thông; Nhữngvấn đề về phương pháp dạy học Mĩ thuật ở tiểu học; mục tiêu, nội dung, chương trình và hình thức tổ chức dạy học môn Mĩ thuật ở tiểu học... – Đánh giá môn Đạo đức bao gồm: Vị trí, đặc điểm, mục tiêu môn Đạo đức; Những đặc trưng của môn học này trong việc thực hiện quá trình giáo dục đạo đức và từ đó góp phần đạt được mục đích giáo dục tiểu học; Nội dung môn Đạo đức: Làm rõ chương trình và các tài liệu dạy học môn Đạo đức ở tiểu học; Phương pháp dạy học môn Đạo đức; Hình thức tổ chức giáo dục đạo đức...	
4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học	4.1. Xây dựng được kế hoạch nghiên cứu thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học. 4.2.Thực hiện được hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học. 4.3. Đề xuất được hướng	4.1.1. Phát hiện được vấn đề và ý tưởng nghiên cứu. 4.1.2. Lập được đề cương nghiên cứu. 4.1.3. Xây dựng được kế hoạch nghiên cứu cụ thể. 4.2.1. Trình bày được cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn của vấn đề nghiên	– Những kiến thức về cơ bản về lí luận và phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục học tiểu học. – Kĩ năng nghiên cứu khoa học, vận dụng được những kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học để tiến hành các đề tài nghiên cứu ở các mức độ khác nhau như: bài tập, công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên, khoá luận...	– Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục – Giáo dục học tiểu học

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
	ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.	cứu. 4.2.2. Đề xuất được các biện pháp để giải quyết vấn đề nghiên cứu. 4.2.3. Kiểm nghiệm giả thuyết khoa học và tính khả thi, hiệu quả của vấn đề nghiên cứu. 4.3.1. Chỉ ra được các đối tượng sử dụng kết quả nghiên cứu. 4.3.2. Chỉ ra được các điều kiện để thực hiện kết quả nghiên cứu. 4.3.3. Nêu được triển vọng của vấn đề nghiên cứu.		
5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn	5.1. Khai thác, tra cứu, sử dụng được các tài liệu tiếng nước ngoài phục vụ cho các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học. 5.2.Giao tiếp	5.1.1. Đọc hiểu được một số tài liệu bằng tiếng nước ngoài có liên quan đến chuyên môn tiểu học. 5.2.1. Nghe,	Nội dung, chương trình và các tài liệu dạy học tiếng Anh, dạy môn Toán ở tiểu học bằng tiếng Anh cũng như lí luận chung về phương pháp dạy học môn học này ở tiểu học; Các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; Cách thức thiết kế bài dạy, tổ chức dạy học môn Toán bằng tiếng Anh ở tiểu học theo tinh thần đổi	– Dạy học Toán ở tiểu học bằng Tiếng Anh – Tiếng Anh 1 – Tiếng Anh 2

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
	được bằng tiếng nước ngoài trong một số hoạt độngchuyên môn ở tiểu học. 5.3. Sử dụng được một số tài liệu tiếng nước ngoài để hỗ trợ và nâng cao hiệu quả dạy học ở tiểu học.	nói được bằng tiếng nước ngoài trong một số hoạt động chuyên môn ở tiểu học. 5.3.1. Nói và viết có sử dụng thông tin từ một số tài liệu tiếng nước ngoài để hỗ trợ và nâng cao hiệu quả dạy học ở tiểu học.	mới phương pháp dạy học ở tiểu học...	
6. Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	6.1. Sử dụng được máy tính và các phần mềm thông dụng phục vụ dạy học và giáo dục ở tiểu học. 6.2. Khai thác, tra cứu, sử dụng và quản lí được các nguồn tài nguyên thông tin phục vụ các hoạt động dạy học và giáo dục ở tiểu học. 6.3. Ứng	6.1.1. Nói và thao tác được cách sử dụng máy vi tính và một phần mềm cụ thể. 6.2.1. Đưa ra được một số tài liệu từ hoạt động khai thác, tra cứu. 6.3.1. Thiết kế được một số bài học bằng các phương tiện, thiết bị trong việc hỗ trợ dạy học ở tiểu học.	– Hiểu và phân loại được các ứng dụng (phần cứng và phần mềm) trong dạy học tiểu học. – Sử dụng được các ứng dụng công nghệ thông tin để tăng cường hiệu quả dạy học các môn học ở tiểu học.	– Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học – Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1 – Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2 – Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1 – Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2 – Hình thành và phát triển năng lực tư duy cho học sinh trong dạy học môn Toán ở tiểu học

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện	Học vấn cốt lõi	Tên môn học
	dụng các phương tiện, thiết bị hỗ trợ dạy học ở một cách hiệu quả, phù hợp với khả năng và nhu cầu của học sinh tiểu học.			– Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1 – Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2 *Tự chọn:* - Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học - Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Toán ở tiểu học – Dạy học phát triển năng lực các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học - Giáo dục địa phương ở tiểu học

2.3. Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp

- Giáo viên văn hóa, tổng phụ trách đội, cán bộ quản lí tại các trường tiểu học công lập, dân lập, tư thục và quốc tế.

- Giảng viên các cơ sở đào tạo giáo viên tiểu học.

- Chuyên viên, tư vấn viên, nghiên cứu viên tại các cơ sở liên quan đến Giáo dục Tiểu học.

- Làm việc tại các cơ quan, tổ chức nghiên cứu và tư vấn phát triển Giáo dục Tiểu học và một số lĩnh vực khác

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Có năng lực tự học, nghiên cứu khoa học giáo dục và các lĩnh vực khác có liên quan đến Giáo dục Tiểu học.

- Có thể tiếp tục học sau đại học các chuyên ngành: Giáo dục học (Tiểu học); Quản lí giáo dục; Lí luận và lịch sử giáo dục và một số chuyên ngành gần khác.

*** Ma trận liên kết giữa Mục tiêu đào tạo và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Chuẩn đầu ra / Mục tiêu cụ thể	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21	C22	C23
M1	x																						
M2		x			x									x	x								
M3			x			x							x	x									
M4				x										x									
M5					x									x									
M6						x							x								x	X	x
M7							x						x										x
M8								x					x	x									
M9									x					x									
M10										x			x	x							x		
M11											x					x							
M12								x				x	x	x									
M13													x										
M14														x									
M15															x								
M16																x							
M17																	x						
M18													x					x					
M19													x						x				
M20													x				x			x			
M21																	x				x		
M22													x									X	
M23													x										X

3. CHUẨN ĐẦU VÀO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học trình độ đại

học là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương, đáp ứng được:

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên cho đào tạo hình thức khác chính quy hoặc phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, cụ thể là học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo quy định đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019.

4. KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học trình độ đại học có khối lượng học tập là 125 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành.

5. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học trình độ Đại học gồm 125 tín chỉ. Trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 24 tín chỉ, có tỉ lệ 19,2%; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 101 tín chỉ, có tỉ lệ 80,8%. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được cấu thành bởi nhóm kiến thức cơ sở ngành (28 tín chỉ: 26 tín chỉ bắt buộc, 02 tín chỉ tự chọn; chiếm 22,4% toàn khối); nhóm kiến thức chuyên ngành (54 tín chỉ: 47 tín chỉ bắt buộc, 07 tín chỉ tự chọn; chiếm 43,2% toàn khối); nhóm nghiệp vụ sư phạm, thực tập (12 tín chỉ; chiếm 9,6% toàn khối); nhóm khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế (07 tín chỉ; chiếm 0,5,6% toàn khối).

Cụ thể như sau:

Khối kiến thức	Loại học phần	Số tín chỉ
1. Kiến thức giáo dục đại cương *(Không tính các học phần GDTC và GDQP*		**24 tín chỉ**

- AN)		
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		**101 tín chỉ**
2.1. Kiến thức cơ sở ngành		***28 tín chỉ***
	+ Bắt buộc	24 tín chỉ
	+ Tự chọn	4 tín chỉ
2.2. Kiến thức chuyên ngành		***54 tín chỉ***
	+ Bắt buộc	47 tín chỉ
	+ Tự chọn	7 tín chỉ
2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập		***12 tín chỉ***
2.4. Khoá luận tốt nghiệp/ học phần thay thế		***7 tín chỉ***
TỔNG SỐ		**125 tín chỉ**

5.2. Nội dung Chương trình đào tạo

5.2.1. Khung Chương trình đào tạo

TT	Mã số HP	Học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức- (LT/TH/Tự học) 1246/2091/3708
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**24**	**280/335/735**
1	PHIS001	Triết học Mác – Lênin	3	32/26/92
2	POLI002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	21/18/61
3	POLI003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21/18/61
4	POLI004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21/18/61
5	POLI005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21/18/61
6	POLI006	Pháp luật đại cương	2	21/18/61
7	EDU007	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục - Đào tạo	2	21/18/61
8	EN008	Tiếng Anh 1	3	30/30/90
9	EN009	Tiếng Anh 2	4	30/60/110
10	COMP010	Tin học đại cương	2	15/30/55
11	PE011	Giáo dục Thể chất 1	1	03/27/20
12	PE012	Giáo dục Thể chất 2	2	06/54/40
13	ME013	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1		37/08
14	ME014	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2		22/08
15	ME015	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3		14/16
16	ME016	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4		04/56
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**101**	

TT	Mã số HP	Học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức- (LT/TH/Tự học) 1246/2091/3708
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			**28**	
**** Các học phần bắt buộc***			***24***	***282/408/910***
17	PRIM117	Tâm lí học tiểu học	3	30/30/90
18	PRIM118	Giáo dục học tiểu học	3	30/30/90
19	PRIM119	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học	2	15/30/55
20	PRIM120	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15/30/55
21	COMM121	Tiếng Việt thực hành	3	30/30/90
22	PSYC122	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	2	20/20/60
23	PRIM123	Cơ sở khoa học của dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	3	30/30/90
24	PRIM124	Cơ sở Văn học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học	3	30/30/90
25	PRIM125	Thực hành giải toán ở tiểu học 1	3	30/30/90
**** Các học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 học phần)***			**2**	
26	PRIM326.a	Giáo dục Stem ở tiểu học	2	20/20/60
	PRIM326.b	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	2	20/20/60
**** Các học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 2 học phần)***			**2**	
27	PRIM327.a	Nhảy hiện đại	2	6/54/40
	PRIM327.b	Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ	2	06/54/40
2.2. Kiến thức chuyên ngành			**54**	
**** Các học phần bắt buộc***			***47***	***645/1260/2025***
28	PRIM228	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 1	2	20/20/60
29	PRIM229	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 2	3	30/30/90
30	PRIM230	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 3	2	20/20/60
31	PRIM231	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 1	2	20/20/60

TT	Mã số HP	Học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức-(LT/TH/Tự học) 1246/2091/3708
32	PRIM232	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	30/30/90
33	PRIM233	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 3	2	20/20/60
34	PRIM234	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	3	30/30/90
35	PRIM235	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	30/30/90
36	PRIM236	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	2	20/20/60
37	PRIM237	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	4	30/60/110
38	PRIM238	Thực hành giải toán ở tiểu học 2	2	15/30/55
39	PRIM239	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1	2	20/20/60
40	PRIM240	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2	3	30/30/90
41	PRIM241	Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học	2	15/30/55
42	PRIM242	Giáo dục Nghệ thuật ở trường tiểu học	3	20/20/60
43	PRIM243	Giáo dục Thể chất ở trường tiểu học	2	20/20/60
44	PRIM244	Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học	2	15/30/55
45	PRIM245	Công tác chủ nhiệm lớp và công tác Đội ở tiểu học	2	20/20/60
46	PRIM246	Hình thành và phát triển năng lực tư duy cho học sinh trong dạy học môn Toán ở tiểu học	3	30/30/90
**** Các học phần tự chọn 1 (Chọn 2 trong 4 học phần)***			***6***	
47 -	PRIM347.a	Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học	3	40/20/90
48	PRIM347b	Đổi mới phương pháp dạy học và	3	30/30/90

TT	Mã số HP	Học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức-(LT/TH/Tự học) 1246/2091/3708
		kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học		
	PRIM348.a	Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Toán ở tiểu học	3	30/30/90
	PRIM348.b	Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng tiếng Anh	3	30/30/90
**** Các học phần tự chọn 2 (Chọn 1 trong 3 học phần)***			1	
49	PRIM349.a	Dạy học phát triển năng lực các môn về Tự nhiên và Xã hội	1	10/10/30
	PRIM349.b	Giáo dục địa phương ở tiểu học	1	10/10/30
	PRIM349.c	Trang trí và thiết kế đồ dùng ở trường tiểu học	1	10/10/30
2.3. Thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm			**12**	
50	COMM250	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	4	30/60/110
51	COMM251	Thực tập sư phạm I*	2	0/120/0
52	COMM252	Thực tập sư phạm II**	6	0/360/0
2.4. Khóa luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			**7**	
		Khóa luận tốt nghiệp	7	
	Các học phần thay thế		*7*	
53 - 54	PRIM453	Toán và phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	3	30/30/90
	PRIM454	Tiếng Việt và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	4	30/60/110
Tổng: 54 học phần		**Cộng**	**125**	

5.2.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Học phần	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21	C22	C23
1.Khối kiến thức đại cương																								
*** Bắt buộc**																								
1	Triết học Mác- Lênin	x			x	x	x	x			x													
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x			x	x	x	x			X													
3	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	x			x	x	x	x			x													
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x			x	x	x	x			x													
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x			x	x	x	x			x													
6	Pháp luật đại cương	x			x	x	x	x			x													
7	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục – Đào tạo	x			x	x	x	x			x													
8	Tiếng Anh 1						x	x	x		x												x	
9	Tiếng Anh 2						x	x	x		x												x	
10	Tin học đại cương						x	x			x													x
11	Giáo dục Thể chất 1		x																					
12	Giáo dục Thể chất 2		x																					

TT	Học phần	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21	C22	C23
13	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1	x	x			x		x																
14	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2	x	x			x		x																
15	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3	x	x			x		x																
16	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4	x	x			x		x																
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																								
2.1. Kiến thức cơ sở ngành																								
17	Tâm lý học tiểu học		x	x		x	x	x			x	x	x			x								
18	Giáo dục học tiểu học		x	x		x	x	x			x	x	x		x	x								
19	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học	x	x	x		x	x	x	x		x	x	x		x	x	Xx							x
20	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục			x		x	x	x			x		x									x		
21	Tiếng Việt thực hành			x		x	x	x	x		x													

TT	Học phần	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21	C22	C23
22	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học		x	x		x	x	x	x		x		x			x	x							
23	Cơ sở khoa học của dạy học các môn Tự nhiên – Xã hội	x					x	x			x								x					
24	Cơ sở Văn học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học	x					x	x			x								x					
25	Thực hành giải toán ở tiểu học 1		x			x	x				x													
**** Các học phần tự chọn (2 trong 4 học phần)***																								
26 - 27	Giáo dục Stem ở tiểu học		x	x		x	x	x			x				x	x	x							
	Đánh giá trong giáo dục tiểu học		x		x	x	x	x			x				x									
	Nhảy hiện đại		x	X		x	x	x			x													
	Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ		x	X		x	x	x			x													

TT	Học phần	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21	C22	C23
2.2. Kiến thức chuyên ngành																								
	****Các học phần bắt buộc***																							
28	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 1						x	x			x								x					
29	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 2						x	x			x								x					
30	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 3						x	x			x								x					
31	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 1						x	x	x		x								x					
32	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 2						x	x	x		x								x					
33	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 3						x	x	x		x								x					

TT	Học phần	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21	C22	C23
34	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1		x	x		x	x	x	x		x				x	x		x		x	x			x
35	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2		x	x		x	x	x	x		x				x	x		x		x	x			x
36	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1		x	x		x	x	x			x				x	x		x		x	x			x
37	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2		x	x		x	x	x			x				x	x		x		x	x			x
38	Thực hành giải toán ở tiểu học 2		x			x	x	x			x													
39	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 1		x	x		x	x	x			x				x	x		x		x	x			x
40	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học 2		x	x		x	x	x			x				x	x		x		x	x			x
41	Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học		x	x		x	x	x			x				x	x		x		x	x			x
42	Giáo dục Nghệ thuật ở tiểu học		x	x		x	x	x			x				x	x		x		x	x			

TT	Học phần	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21	C22	C23
43	Giáo dục Thể chất ở tiểu học		x	X		x	x	x			x				x	x				x	x			
44	Đạo đức và phương pháp dạy học Đạo đức ở tiểu học		x	X		x	x	x			x				x	x		x		x	x			x
45	Công tác chủ nhiệm lớp và công tác Đội ở tiểu học		x	X		x		x			x				x	x		x			x			
46	Hình thành và phát triển năng lực tư duy cho học sinh trong dạy học môn Toán ở tiểu học		x	x		x	x	x			x				x	x		x		x	x			x
	Các học phần tự chọn 1 (2 trong 4 học phần)																							
47 - 48	Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học		x	X		x	x	x			x				x	x								

TT	Học phần	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21	C22	C23
	Đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học		x	x		x	x	x			x				x	x		x		X	x			x
	Đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Toán ở tiểu học		x	x		x	x	x			x				x	x								
	Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng Tiếng Anh		x	x		x	x	x			x				x	x		x		x	x			
	Các học phần tự chọn 2 (1 trong 3 học phần)																							
49	Dạy học phát triển năng lực các môn về Tự nhiên và Xã hội		x	x		x	x	x			x				x	x		x		x	x			x
	Giáo dục địa phương ở tiểu học		x	X		x	x				x	x	x		x	x		x		x	x			
	Trang trí và thiết kế đồ dùng ở trường tiểu học			x		x	x				x													
3. Thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm																								

TT	Học phần	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14	C15	C16	C17	C18	C19	C20	C21	C22	C23
50	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên		x	X	x	x	x	x			x				x									x
51	Thực tập sư phạm I*		x	X	x	x	x	x			x				x									
52	Thực tập sư phạm I*		x	X	x	x	x	x			x				x									
4. Khóa luận tốt nghiệp, các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp																								
	Khóa luận tốt nghiệp																							
	Các học phần thay thế khóa luận																							
53 - 54	Toán và phương pháp dạy học Toán		x	X			x	x	x		x				x									x
	Tiếng Việt và phương pháp dạy học Tiếng Việt		x	X			x	x	x		x				x									x

5.2.3. Kế hoạch đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học trình độ đại học thực hiện trong 04 năm với 08 học kì, trong đó học kì 1 với 19 tín chỉ, học kì 2 là 19 tín chỉ, học kì 3 với 15 tín chỉ, học kì 4 là 18 tín chỉ, học kì 5 với 17 tín chỉ, học kì 6 là 18 tín chỉ, học kì 7 với 17 tín chỉ, học kì 8 là 13 tín chỉ. Cụ thể như sau:

Học kì	Tên học phần	Số tín chỉ
Học kì 1 Năm thứ nhất	Triết học Mác – Lênin	3
	Pháp luật đại cương	2
	Tâm lí học tiểu học	3
	Tiếng Việt thực hành	3
	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 1	2
	Tiếng Anh 1	3
	Giáo dục Thể chất 1	1
	Tin học đại cương	2
	Tổng cộng	19
Học kì 2 Năm thứ nhất	Giáo dục học tiểu học	3
	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2
	Cơ sở khoa học của dạy học các môn Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học	3
	Cơ sở Văn học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học	3
	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 2	3
	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 1	2
	Giáo dục Nghệ thuật ở trường tiểu học	3
	Tổng cộng	19
Học kì 3 Năm thứ 2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
	Tiếng Anh 2	4
	Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 3	2
	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 2	3
	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	2
	- Tự chọn a) Nhảy hiện đại b) Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ	2
	Tổng cộng	15
Học kì 4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2

Năm thứ 2	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2
	Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 3	2
	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	2
	Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học 1	2
	Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học	2
	Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học	2
	Giáo dục thể chất 2	2
	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	2
	Tổng cộng	18
Học kì 5 Năm thứ 3	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	2
	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	2
	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	3
	Phương pháp dạy học môn Toán ở tiểu học 2	4
	Công tác chủ nhiệm lớp và công các Đội ở tiểu học	2
	Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học 2	3
	- Tự chọn a) Dạy học phát triển năng lực các học phần về Tự nhiên – Xã hội b) Giáo dục địa phương ở tiểu học c) Trang trí và thiết kế đồ dùng ở trường tiểu học	1
	Tổng cộng	17
Học kì 6 Năm thứ 3	Thực hành giải toán ở tiểu học 1	3
	Giáo dục Thể chất ở trường tiểu học	2
	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	3
	Giáo dục Quốc phòng – An Ninh	8
	Thực tập Sư phạm 1	2
	Tổng cộng	18
Học kì 7 Năm thứ 4	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục – Đào tạo	2
	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
	Thực hành giải toán ở tiểu học 2	2
	Hình thành và phát triển năng lực tư duy cho học sinh trong dạy học môn Toán ở tiểu học	3
	- Tự chọn a) Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu	3

	học b) Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học	
	- Tự chọn a) Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Toán ở tiểu học b) Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng tiếng Anh	3
	- Tự chọn a) Giáo dục Stem ở tiểu học b) Đánh giá trong giáo dục	2
	Tổng cộng	17
Học kì 8 Năm thứ 4	Thực tập sư phạm 2	6
	Khóa luận hoặc học phần tốt nghiệp	7
	Tổng cộng	13

5.2.4. Mô tả các học phần

STT	HỌC PHẦN
1	**Triết học Mác – Lênin: 3TC** Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó sinh viên có được kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng vào việc nhận thức, cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.
2	**Pháp luật đại cương: 2TC** Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lý luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật; đồng thời giới thiệu về các lĩnh vực pháp luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam, đại cương về pháp luật quốc tế, vấn đề đào tạo luật và nghề luật ở Việt Nam.
3	**Tâm lí học tiểu học: 3TC** Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, cung cấp cho người học những tri thức khoa học và các khái niệm cơ bản của Tâm lý học, bao gồm:

	Bản chất, quá trình nảy sinh, quy luật hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý; mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lý, chức năng vai trò của tâm lý đối với hoạt động của con người; giúp sinh viên hiểu bản chất và quy luật của các hiện tượng tâm lý con người trong quá trình phát triển cá thể từ đó vận dụng vào công tác tham vấn, giáo dục học sinh ở phổ thông. Học phần còn trang bị cho người học những tri thức về sự phát triển tâm lý, quy luật phát triển tâm lý ở con người và các đặc điểm tâm lý điển hình, đặc trưng ở giai đoạn lứa tuổi học sinh Tiểu học nhằm mục đích mô tả một cách khái quát nhất chân dung tâm lý của con người ở giai đoạn lứa tuổi này cũng như ứng dụng những tri thức đó để tổ chức quá trình giáo dục, dạy học phù hợp với tâm lý lứa tuổi.
4	**Tiếng Việt thực hành: 3TC** Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức/nguyên tắc cơ bản khi sử dụng tiếng Việt về chính tả, từ ngữ, câu, đoạn văn và văn bản; hệ thống hoá và diễn giải được những nguyên tắc cơ bản trong thực tế sử dụng tiếng Việt; các kiến thức cơ bản về kĩ thuật đọc thành tiếng, chữ viết và kĩ thuật viết chữ theo mẫu chữ tiểu học; những điều kiện và yêu cầu đảm bảo nghe – nói hiệu quả; rèn luyện cho sinh viên 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết để học tập và giảng dạy môn Tiếng Việt.
5	**Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 1: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chương trình đạo tạo. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về toán học cơ bản làm nền tảng cho lí luận và phương pháp dạy học Toán học ở tiểu học. Các kiến thức về tập hợp, suy luận, thống kê và xác suất và đồng thời giải thích được cơ sở của một số vấn đề trong việc xây dựng chương trình, nội dung và cách trình bày trong sách giáo khoa môn Toán ở tiểu học.
6	**Tiếng Anh 1: 3TC** Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc, cung cấp cho sinh viên vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kĩ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kĩ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp,các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn đơn giản theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình

	đồng thời phát triển kĩ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.
7	**Giáo dục thể chất 1: 1TC** Giáo dục thể chất 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên không chuyên thuộc chương trình giáo dục thể chất của tất cả chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lí thuyết môn Thể dục, bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn thể dục, phương pháp tập luyện. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khoẻ hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn khác.
8	**Tin học đại cương: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về máy tính, ứng dụng cơ bản về các kĩ năng cơ bản sử dụng phần mềm ứng dụng trong công việc: xử lý văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu, kiến thức cơ bản về mạng máy tính, internet, tìm kiếm thông tin, đạo đức và văn hóa trong cuộc sống trực tuyến.
9	**Giáo dục học tiểu học: 3TC** Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, cung cấp cho người học những tri thức khoa học và các khái niệm cơ bản của giáo dục học, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách con người, chiến lược phát triển giáo dục và việc tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Trên cơ sở đó, người học hiểu được bản chất của quá trình dạy học ở tiểu học, nguyên tắc dạy học, phương pháp, phương tiện dạy học tiểu học. Học phần còn cung cấp cho người học hiểu biết khái niệm, chức năng, logic của quá trình giáo dục tiểu học, các nguyên tắc giáo dục tiểu học, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục tiểu học, bản chất của quá trình giáo dục trong phát triển toàn diện nhân cách con người. Vận dụng được những hiểu biết về giáo dục tiểu học, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục vào việc giáo dục học sinh tiểu học.
10	**Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 2TC** Học phần này nằm trong khối kiến thức của các môn Lý luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về Chủ nghĩa tư bản Độc quyền của Chủ nghĩa Mác-Lênin và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa Xã hội ở Việt Nam. Học phần bao gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin; hàng hoá, thị trường và vai trò của chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc

	quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường đinh hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy logic, phương pháp suy luận đồng thời trang bị kiến thức cơ sở quan trọng giúp sinh viên học tốt các học phần chuyên ngành sau này.
11	**Cơ sở khoa học của dạy học các môn Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học: 3TC** Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học cơ bản thuộc các lĩnh vực địa lí, vật lí, hoá học, sinh học, lịch sử làm cơ sở cho việc dạy học các học phần về tự nhiên và xã hội ở tiểu học; rèn khả năng giải thích những hiện tượng tự nhiên và xã hội thường gặp trong cuộc sống và vận dụng vào dạy học các học phần về tự nhiên và xã hội ở tiểu học.
12	**Cơ sở Văn học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học: 3TC** Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên các vấn đề lí luận văn học như hình tượng và nhân vật văn học, đề tài, chủ đề, tư tưởng, kết cấu, cốt truyện của tác phẩm văn học; đặc trưng cơ bản của thơ, truyện; khái quát về văn học thiếu nhi, các thể loại văn học dân gian có liên quan tới nhận thức của thiếu nhi, các tác giả văn học viết thiếu nhi tiêu biểu, và một số nội dung chủ yếu của văn học thiếu nhi nước ngoài.
13	**Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 2: 3TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc của chường trình đào tạo. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ sở về lý thuyết số, cấu trúc nửa nhóm, nhóm, vành, trường; giúp sinh viên có kiến thức nền tảng về lí luận và phương pháp luận trong việc dạy học môn số vấn đề về môn Toán ở tiểu học như: cơ sở lí luận của việc dạy số tự nhiên, phân số và số thập phân ở tiểu học.
14	**Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 1: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ: nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, bản chất và chức năng của ngôn ngữ; về ngữ âm tiếng Việt và hiểu được mối liên hệ giữa kiến thức đó với việc dạy Tiếng Việt ở tiểu học; rèn cho sinh viên năng lực nhận diện, phân tích, chứng minh được các vấn đề về ngôn ngữ nói chung và ngữ âm nói riêng trong những tình huống cụ thể, vận dụng được các kiến thức ngữ âm vào thực tiễn giảng dạy môn Tiếng Việt ở trường tiểu học
15	**Giáo dục nghệ thuật ở tiểu học: 3TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức âm nhạc cơ bản; về phương pháp dạy học môn âm nhạc ở tiểu học; những kiến thức cơ bản về mỹ thuật cơ bản, phương pháp vẽ theo mẫu, kiến thức về màu sắc và cách vẽ màu, về trang trí cơ bản, vẽ tranh đề tài và nặn

	tạo dáng tự do và thường thức mĩ thuật ở tiểu học.
16	**Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2TC** Học phần này nằm trong khối kiến thức của các môn Lý luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trongthời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo, gia đình trong thời kì quá độ.
17	**Tiếng Anh 2: 4TC** Học phần **Tiếng Anh 2** là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm, trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có to, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hòan thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Những kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiên ở một vài quốc gia trên thế giới. Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kĩ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính nhưđã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết đoạn văn ngắn 35-45 từ. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT vàlớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kĩ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.
18	**Cơ sở Toán học của dạy học môn Toán ở tiểu học 3: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho sinh viên những vấn đề về biểu thức đại số, đa thức, phân thức; các cách so sánh biểu thức đại số, xét dấu của biểu thức đại số; các dạng phương trình một ẩn số, hệ phương trình, đẳng thức, bất đẳng thức; khái niệm cơ bản của các hình hình học và một số các phép chứng minh trong hình học phẳng, các phép biến hình; Giúp sinh viên có kiến thức cơ sở về lí luận và phương pháp trong việc thực hiện giảng dạy một số nội dung toán ở tiểu học như yếu tổ hình học, yếu tố đại số, yếu tố đại lượng.
19	**Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 2: 3TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh

	viên những kiến thức cơ bản về từ và hệ thống từ vựng tiếng Việt, từ loại, cú pháp tiếng Việt và ngữ pháp văn bản; rèn cho sinh viên kĩ năng nhận diện và phân tích cấu tạo từ và nghĩa của từ, sử dụng từ và hệ thống từ vựng, xác định từ loại, phân tích và nhận diện câu, phân tích đoạn văn, văn bản, viết câu, dựng đoạn, viết bài văn. Sinh viên có năng lực phân tích được mối liên hệ giữa những vấn đề đã học với thực tiễn dạy học các nội dung tương ứng trong môn Tiếng Việt ở tiểu học
20	**Nhảy hiện đại: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn. Học phần Khiêu vũ thể thao cung cấp cho người học những kiến thức và kĩ năng cơ bản nhất của vũ điệu Chachacha, Bachata và Rumba... sôi động, vui nhộn, phổ biến trong các sinh hoạt vũ hội. Ngoài ra thông qua quá trình tập luyện, học phần còn rèn luyện cho sinh viên ý thức tổ chức kỉ luật, tính tự giác tích cực, qua đó phát triển các tố chất vận động như: sức nhanh, sức mạnh và khả năng phối hợp động tác, tính linh hoạt bổ trợ cho công việc học tập, giúp người học có thể tự tin tham gia các sinh hoạt văn hóa văn nghệ của sinh viên.
21	**Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lịch sử, vị trí và tác dụng của đàn Organ; cấu trúc cơ bản của đàn Organ; nhận biết vị trí các âm thanh và phạm vi từng tay trên hàng phím; chức năng và cách sử dụng đàn Organ; công tác bảo quản; những tư thế khi đánh đàn Organ; nội dung trọng tâm là thực hành kỹ năng luyện ngón, chơi một số bài dân ca Việt Nam, ca khúc thiếu nhi trong và ngoài nước
22	**Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức và con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.
23	**Thực hành giải toán ở tiểu học 1: 3TC** Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho sinh viên một số vấn đề về giải toán như thế nào là một bài toán, phân loại, các vẫn đề thường gặp phải khi hướng dẫn học sinh giải toán, các phương pháp giải toán, thuật toán và tư duy thuật toán. Thông qua đó giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về dạy học giải toán ở tiểu học như nhận

	dạng và lựa chọn các phương pháp giải phù hợp cho một bài toán ở tiểu học, bước đầu có kỹ năng thiết kế bài tập, đề kiểm tra toán ở tiểu học.
24	**Cơ sở Việt ngữ học của dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học 3: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản phong cách học tiếng Việt và ngữ dụng học tiếng Việt, rèn cho sinh viên năng lực vận dụng những kiến thức cơ bản về về phong cách học tiếng Việt và ngữ dụng học tiếng Việt trong học tập và nghiên cứu về tiếng Việt và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.
25	**Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên một số kiến thức đại cương về dạy học Toán ở tiểu học về hệ thống các phương pháp thường dùng trong dạy học Toán; các hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá trong dạy học Toán; nguyên tắc sử dụng, cách sử dụng thiết bị thông thường; lập kế hoạch và tổ chức dạy học ở tiểu học.
26	**Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học 1: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đối tượng, mục tiêu, cấu trúc chương trình, các phương pháp, hình thức tổ chức, các phương tiện dạy học cũng như cách thức kiểm tra đánh giá các học phần về tự nhiên và xã hội ở tiểu học; rèn cho sinh viên năng lực vận dụng những kiến thức đã học vào việc xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học các môn về tự nhiên xã hội ở tiểu học.
27	**Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những nội dung cơ bản của Đạo đức học: Nguồn gốc, bản chất, chức năng của đạo đức; mối quan hệ giữa đạo đức và các hình thái ý thức xã hội khác; khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Đạo đức học; bản chất một số phạm trù đạo đức cơ bản theo quan điểm của Đạo đức học Mác – Lênin…; Một số vấn đề chung về giáo dục đạo đức trong giai đoạn hiện nay; Vị trí, nhiệm vụ, nội dung chương trình và tài liệu dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học; Phương pháp, phương tiện dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học; Tổ chức dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học; Kiểm tra và đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức của học sinh Tiểu học.
28	**Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học kỹ thuật công nghệ trong hoạt động giáo dục. Áp dụng được những kiến thức đó để thực hành kỹ năng nghề nghiệp; thực hiện được các kỹ năng cơ bản để tổ chức hoạt động dạy học

	môn công nghệ trường Tiểu học có hiệu quả: Kỹ năng chuẩn bị bài giảng; kỹ năng thực hiện hoạt động dạy học và đánh giá kết quả.
29	**Giáo dục thể chất 2: 2TC** Học phần Aerobic là học phần tự chọn thuộc chương trình Giáo dục thể chất cho sinh viên đại học thuộc tất cả các chuyên ngành đào tạo. Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về luật thi đấu, kĩ thuật, phương pháp tập luyện và hướng dẫn tổ chức môn khiêu vũ thể thao trong chương trình giáo dục thể chất, thể dục thể thao phong trào. Nội dung học phần bao gồm: lí thuyết Aeroic, kĩ thuật cơ bản Aerobic, bài Aerobic. Học phần giúp sinh viên phát triển thể chất; giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần tập thể; rèn luyện ý chí, tư thế, tác phong; tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các học phần khác.
30	**Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên: 4TC** Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ sư phạm và các kĩ năng sư phạm cơ bản như kĩ năng tìm hiểu nhà trường tiểu học, kĩ năng giao tiếp sư phạm, các kĩ năng tiếng Việt. Đặc biệt là nắm vững kĩ năng dạy học; kĩ năng thiết kế, sử dụng các thiết bị dạy học, kĩ năng đánh giá, kiểm tra các học phần ở tiểu học.
31	**Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học: 2TC** Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học Tiểu học, Giáo dục học Tiểu học. Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc có quan hệ mật thiết với các học phần về phương pháp dạy học các học phần ở tiểu học thuộc kiến thức nghiệp vụ trong chương trình đào tạo giáo viên tiểu học. Học phần cung cấp cho người học các khái niệm, ưu thế, tầm quan trọng và các nguyên tắc tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường Tiểu học. Trình bày được nội dung, quy trình tổ chức các chủ điểm, chủ đề giáo dục, các tiết sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp và hoạt động trải nghiệm theo chương trình ở trường Tiểu học. Thiết kế được một số mô hình tổ chức các chủ điểm, chủ đề giáo dục, tiết chào cờ, sinh hoạt lớp và kế hoạch dạy học các bài học theo chương trình hoạt động trải nghiệm ở trường Tiểu học.
32	**Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc. Trên cơ sở cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về giao tiếp sư phạm, nguyên tắc giao tiếp sư phạm, kỹ năng giao tiếp trong giao tiếp sư phạm, sinh viên biết vận dụng các kiến thức về giao tiếp sư phạm để thực hành giao tiếp với học sinh, với đồng nghiệp, phụ huynh và xã hội. Hình thành năng lực sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ để thiết lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ giao tiếp với đồng nghiệp, người học, các trường học, các tổ chức xã hội và cá nhân

	trong và ngoài nhà trường. Phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới. Học phần còn góp phần hình thành ở người học những phẩm chất nhân cách của người giáo viên.
33	**Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1: 3TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, rèn cho sinh viên năng lực vận dụng những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học trong học tập và nghiên cứu lĩnh vực lí luận và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.
34	**Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2: 4TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên các kiến thức về phân tích chương trình, rèn kĩ năng về dạy học môn toán thông qua việc vận dụng giảng dạy các nội dung cụ thể của chương trình môn Toán ở tiểu học. Thông qua đó giúp sinh viên soạn thành thạo kế hoạch bài học; Xử lý tốt các tình huống trong dạy học toán; Xử lí được tài liệu dạy học; Sử dụng thành thạo phương tiện để dạy học hiệu quả; Phát triển được chương trình nhà trường và chương trình lớp học.
35	**Công tác chủ nhiệm lớp và công các Đội ở tiểu học: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đội TNTPHCM và Sao Nhi đồng ở trường tiểu học.
36	**Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học 2: 3TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, rèn luyện cho sinh viên năng lực nghiên cứu chương trình và sách giáo khoa từng môn, rèn luyện năng lực dạy học các chủ đề, vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức và các phương tiện dạy học… vào từng bài học.
37	**Dạy học phát triển năng lực các học phần về Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học: 1TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, phát triển cho sinh viên năng lực phân tích chương trình các học phần Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học; rèn luyện năng lực vận dụng các kiến thức đã học của học phần vào việc chuẩn bị bài học, tổ chức các hoạt động học tập các học phần Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học
38	**Giáo dục địa phương ở Tiểu học: 1TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, truyền thống quê hương;

	lễ hội, nghệ thuật truyền thống; các di tích lịch sử, danh nhân văn hóa; phong tục, tập quán địa phương của Hải Dương;
39	**Trang trí và thiết kế đồ dùng ở trường tiểu học: 1TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, trang bị cho sinh viên một số vấn đề chung về mỹ thuật ứng dụng, trang trí ứng dụng trong đời sống con người, trang trí ứng dụng như kẻ chữ, trang trí đầu báo tường, thu phóng tranh ảnhcác phương tiện, đồ dùng dạy học ở trường tiểu học. Biết cách trang trí và trang trí được lớp học. Các nguyên tắc sử dụng phương tiện dạy học, sử dụng mô ình biểu bảng, vật mẫu, mô hình.Tầm quan trọng của đồ dùng dạy học ở tiểu học, phương pháp thiết kế đồ dùng dạy học. Thực hành trang trí lớp học, thực hành thiết kế đồ dùng dạy học ở tiểu học.
40	**Thực hành giải toán ở tiểu học 2: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc của chương trình đào tạo. Học phần trang bị cho sinh viên một số nhận biết về học sinh có năng khiểu học toán, tầm qua trọng của dạy học giải toán ở tiểu học theo chuyên đề, những hiểu biết cơ bản về một số dạng toán bồi dưỡng học sinh giỏi trên cơ sở đó giúp sinh viên giải được bài toán, lập được bài toán và hướng dẫn học sinh giải toán. Tạo cơ hội để sinh viên tiếp cận với bài toán bằng tiếng Anh.
41	**Giáo dục thể chất ở trường tiểu học: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo Cử nhân Sư phạm Giáo dục Tiểu học của nhà trường. Học phần bao gồm các nội dung: Khái quát chung về học phần GDTC trong trường tiểu học, các kĩ thuật cơ bản của thể dục ĐHĐN, bài thể dục phát triển chung, các tư thế và vận động cơ bản, phương pháp tập luyện nhảy dây và tổ chức trò chơi vận động, phương pháp lên lớp giờ học GDTC, kiểm tra đánh giá kết quả học phần qua đó mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực để vận dụng trong công việc sau này của sinh viên. Ngoài ra học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các học phần khác.
42	**Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2: 3TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học: mục đích, nội dung các nguyên tắc và phương pháp dạy học, chương trình, SGK dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học; rèn luyện năng lực vận dụng những kiến thức cơ bản về dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học trong học tập và nghiên cứu: thiết kế bài học, tổ chức có hiệu quả bài học môn Tiếng Việt ở tiểu học.
43	**Giáo dục Quốc phòng – An Ninh 1**

	(Theo chương trình của Bộ) Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lí luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kì.
44	**Giáo dục Quốc phòng – An Ninh 2** Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kĩ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.
45	**Giáo dục Quốc phòng – An Ninh 3** Học phần nghiên cứu các kiến thức, kĩ năng chiến thuật, kĩ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kĩ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lí các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người.
46	**Giáo dục Quốc phòng – An Ninh 4** Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.
47	**Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục – Đào tạo: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lí, quản lí hành chính nhà nước, đường lối phát triển giáo dục đào tạo, những qui định của giáo dục Tiểu học trong giai đoạn hiện nay, thực tiễn giáo dục địa phương.

48	**Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc, trang bị cho sinh viên những hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử của Đảng và những kiến thức cơ bản cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (từ 1975 đến nay). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức đã học và thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
49	**Phương pháp nghiên cứu khoa học: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, quy trình thực hiện và đánh giá một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục.
50	**Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học: 3TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, trang bị cho sinh viên những kiến thức về dạy học bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học; hình thành và rèn luyện cho sinh viên năng lực tổ chức bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học về kiến thức chuyên sâu tiếng Việt; phát triển kĩ năng đọc hiểu, viết, cảm thụ văn học cho học sinh; xây dựng hệ thống bài tập và hướng dẫn giải bài tập về Tiếng Việt nâng cao ở tiểu học
51	**Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học: 3TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, trang bị cho sinh viên những kiến thức về định hướng đổi mới phương pháp dạy học theo chương trình GDPT 2018, kiến thức về đặc điểm của những phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, phát huy năng lực của học sinh, hiểu biết về những quan điểm đổi mới về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh theo chương trình GDPT 2018; rèn cho sinh viên năng lực phân tích và vận dụng các loại hình đánh giá vào đánh giá kết quả học tập của học sinh.
52	**Hình thành và phát triển năng lực tư duy cho học sinh trong dạy học môn Toán ở tiểu học: 3TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, trang bị cho sinh viên những hiểu biết về các biểu hiện của kĩ năng tư duy, các phương pháp dạy học và kĩ thuật đánh giá việc phát triển kĩ năng tư duy trong dạy học môn Toán

	ở tiểu học, rèn luyện năng lực lựa chọn và thực hiện được các tình huống dạy học môn Toán ở tiểu học để có thể phát triển kĩ năng tư duy và đánh giá mức độ phát triển kĩ năng tư duy của học sinh tiểu học.
53	**Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Toán ở tiểu học: 3TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, trang bị cho sinh viên những hiểu biết về đặc điểm của những phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, phát huy năng lực của học sinh, những quan điểm đổi mới về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh theo chương trình GDPT 2018; rèn cho sinh viên năng lực phân tích và vận dụng những phương pháp dạy học tích cực vào dạy học môn Toán, phân tích và vận dụng được các công cụ kiểm tra, đánh giá vào đánh giá kết quả học tập của học sinh; rèn luyện cho sinh viên năng lực thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh và sử dụng được kết quả kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Toán ở tiểu học.
54	**Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng tiếng Anh: 3TC** Học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, trang bị cho sinh viên hệ thống từ vựng, cấu trúc câu trong tiếng Anh liên quan đến môn Toán ở tiểu học, rèn cho sinh viên năng lực vận dụng những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ (tiếng Anh) và phương pháp dạy học toán để dạy học toán ở tiểu học bằng tiếng Anh, trình bày được hệ thống từ vựng, cấu trúc câu trong tiếng Anh liên quan đến môn Toán ở tiểu học, rèn cho sinh viên kĩ năng chuẩn bị kế hoạch bài học, thực hiện dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh tiểu học bằng tiếng Anh
55	**Giáo dục Stem ở Tiểu học: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn, cung cấp một số tri thức nhằm tăng cường và phát triển nhận thức của sinh viên về mục đích, ý nghĩa, tác dụng của phương thức giáo dục STEM trong giáo dục phổ thông nói chung, ở tiểu học nói riêng. Sinh viên có thông tin khái quát về một số phương pháp và hình thức triển khai giáo dục STEM ở tiểu học, sẽ có kĩ năng vận dụng lí thuyết để phân tích và thiết kế bài học, hoạt động trải nghiệm trong chương trình tiểu học theo phương thức giáo dục STEM, đồng thời lưu ý tới cách đánh giá phát triển năng lực học sinh thông qua những hoạt động học tập. Hình thức học tập chủ yếu là học bằng làm, học qua trải nghiệm.
56	**Đánh giá trong giáo dục: 2TC** Học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành tự chọn, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đánh giá, đánh giá kết quả giáo dục tiểu học: nội dung đánh giá kết quả giáo dục tiểu học, phương pháp, kĩ thuật đánh giá kết quả giáo dục tiểu học; hình thức đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học; trang bị kĩ năng vận

	dụng kiến thức về đánh giá kết quả giáo dục tiểu học đê tổ chức đánh giá trường tiểu học, xây dựng và sử dụng ngân hàng đề thi.
57	**Thực tập sư phạm: 8TC** Học phần nhằm gắn lí thuyết với thực hành, lí luận với thực tiễn trong quá trình đào tạo giáo viên; củng cố, hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng đã được học trong các lĩnh vực tâm lí học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn; vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy và giáo dục học sinh; thực hành và vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, tiếp tục rèn luyện để hình thành năng lực và phẩm chất của người giáo viên, theo yêu cầu của các chương trình khung đào tạo giáo viên trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
58	**Khóa luận hoặc học phần tốt nghiệp: 7TC** Trong học kì cuối, sinh viên thực hiện nghiên cứu một đề tài nhỏ dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên có những kĩ năng nghiên cứu khoa học, có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ thay thế cho kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên.

5.2.5. Đề cương chi tiết học phần

(Xem Phụ lục Đề cương chi tiết học phần)

6. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

6.1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy thực hiện chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học trình độ đại học được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, trải nghiệm; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập, trải nghiệm đạt các chuẩn đầu ra được chia thành hai nhóm:

- Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập chủ động, gồm:

+ Phương pháp động não (Brainstorming) là phương pháp giúp sinh viên trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng, nhiều giả định về một vấn đề nào đó, trong đó có nhiều ý tưởng sáng tạo. Thực hiện phương pháp này, giảng viên cần đưa ra một hệ thống các thông tin làm tiền đề cho buổi thảo luận.

+ Phương pháp Suy nghĩ - Từng cặp - Chia sẻ (Think - pair - share): Phương pháp này được thực hiện bằng cách cho các sinh viên cùng đọc tài liệu hoặc suy nghĩ về một chủ đề, sau đó các sinh viên ngồi bên cạnh nhau có thể trao đổi với nhau về ý kiến và kinh nghiệm của mỗi người một khoảng thời gian nhất định (khoảng vài phút), sau đó chia sẻ

với cả lớp.

+ Phương pháp học dựa trên vấn đề (Problem based learning) giúp sinh viên xác định và hình thành vấn đề; đề xuất các giải pháp; trao đổi, phán xét, cân bằng trong hướng giải quyết.

+ Phương pháp hoạt động nhóm (Group based Learning) là chia lớp học thành từng nhóm nhỏ từ 5 đến 7 người. Tùy mục đích, yêu cầu của vấn đề học tập, các nhóm được phân chia ngẫu nhiên hay có chủ định, được duy trì ổn định hay thay đổi trong từng phần của học phần, được giao cùng một nhiệm vụ hay những nhiệm vụ khác nhau. Phương pháp hoạt động nhóm giúp các thành viên trong nhóm chia sẻ các băn khoăn, kinh nghiệm của bản thân, cùng nhau xây dựng nhận thức mới. Bằng cách nói ra những điều đang nghĩ, mỗi người có thể nhận rõ trình độ hiểu biết của mình về chủ đề nêu ra, thấy mình cần học hỏi thêm những gì.

+ Phương pháp đóng vai (Role playing) là phương pháp tổ chức cho sinh viên thực hành một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Phương pháp đóng vai có những ưu điểm: sinh viên được rèn luyện thực hành những kĩ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn; gây hứng thú và chú ý cho sinh viên; tạo điều kiện làm nảy sinh óc sáng tạo của sinh viên, khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của sinh viên theo chuẩn mực hành vi đạo đức và chính trị - xã hội, có thể thấy ngay tác động và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các vai diễn.

- Nhóm phương pháp giảng dạy giúp sinh viên học tập qua trải nghiệm, gồm:

+ Học dựa vào dự án (Project based Learning) là tổ chức việc dạy và học thông qua các dự án hay công trình thực tế. Từ đây người học sẽ tham gia vào thiết kế, đưa ra quyết định hay khảo sát các hoạt động có liên quan đến dự án. Với phương pháp học này, người học sẽ phải làm việc theo nhóm và khám phá những vấn đề gắn liền với cuộc sống, sau đó sẽ thuyết trình trước lớp và chia sẻ những gì họ đã làm được trong dự án của mình.

+ Mô phỏng (Simulations) thường được dùng trong nghiên cứu khoa học, là quá trình phát triển mô hình hoá rồi mô phỏng một đối tượng cần nghiên cứu. Dựa trên những kết quả thu được sau quá trình mô phỏng, ta có thể rút ra hướng đi tiếp cho nghiên cứu và sản xuất về sau.

+ Nghiên cứu tình huống (Case studies) dựa trên các tình huống thực tế của cả học viên và giảng viên. Mục đích chính của các tình huống là để miêu tả, trao đổi kinh nghiệm về cách thức giải quyết vấn đề và những mâu thuẫn trong khi thực hiện công việc được giao. Bằng những tình huống khác nhau cần phải giải quyết trong khoảng thời gian định sẵn cùng nguồn lực có hạn, người học được đặt vào vị trí cần phải đưa ra quyết định hoặc kêu gọi sự hỗ trợ của các thành viên cùng nhóm để tìm hướng giải quyết hợp lí. Sự đa dạng của các tình huống được đưa lên không chỉ khuyến khích người học phát huy tính chủ động, óc sáng tạo mà còn đem đến sự thoải mái, sảng khoái về mặt tinh thần khi tham

dự lớp.

+ Phương pháp học tập phục vụ cộng đồng (Service Learning) là một phương pháp dạy và học mà thông qua đó người học áp dụng được những kiến thức học được trong lớp vào điều kiện thực tế, đồng thời kết quả của quá trình học đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và được cộng đồng sử dụng. Phương pháp này giúp người học có điều kiện tăng cường kiến thức học thuật, rèn luyện và phát triển các kĩ năng mềm như tư duy suy xét, phản biện (critical thinking), làm việc theo nhóm, giao tiếp, thuyết trình và các kĩ năng sống.

6.2. Đánh giá kết quả đào tạo

6.2.1. Các hình thức đánh giá

Đánh giá sinh viên trong quá trình học tập là hoạt động xác định mức độ đạt được chuẩn đầu ra của các học phần và từ đó bảo đảm sinh viên đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các học phần được đánh giá bao gồm đánh giá quá trình (chuyên cần, thái độ, mức độ tích cực tham gia vào quá trình học tập), đánh giá giữa kì và đánh giá kết thúc học phần.

6.2.1.1. Đánh giá quá trình

a. Đánh giá ý thức, thái độ học tập

– Hình thức: tham gia lớp học, chuẩn bị bài...

– Điểm: 0 đến 10 – Tỉ trọng: 10%

b. Đánh giá giữa kì

– Hình thức: Tự luận hoặc bài tập lớn

– Thời gian đánh giá giữa kì: Giữa kì

– Điểm: 0 đến 10

– Tỉ trọng: 30%

6.2.1.2. Đánh giá kết thúc học phần

– Hình thức: Vấn đáp/Thực hành

– Thời gian tổ chức thi hết học phần: Sau khi kết thúc học phần

– Điều kiện dự thi hết học phần: Điểm chuyên cần là 8,0 trở lên và điểm kiểm tra bộ phận phải từ 3,0 điểm trở lên

– Điểm: từ 0 đến 10 – Tỉ trọng: 60%

6.2.2. Đánh giá kết quả học tập

6.2.2.1. Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần của chương trình đào tạo được quy định như sau:

Điểm chữ	**Điểm 10 tương ứng**	**Quy ra thang điểm 4**
A	8.5 – 10.0	4.0
B+	8.0 – 8.4	3.5
B	7.0 – 7.9	3.0

C+	6.5 – 6.9	2.5
C	5.5 – 6.4	2.0
D+	5.0 – 5.4	1.5
D	4.0 – 4.9	1.0
F	< 4.0	0.0

6.2.2.2. Điểm đánh giá học phần

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học Trường ĐHHD tại QĐ số 362/QĐ-ĐHHD ngày 28/5/2021 của Hiệu trưởng

Điểm đánh giá học phần được tổ hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kì như sau:

Thành phần đánh giá	**Tỉ lệ**
1. Đánh giá quá trình	**40%**
1.1. Đánh giá ý thức, thái độ học tập - Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ học tập. - Yêu cầu sinh viên dự học tại lớp trên 80% mới đủ điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Nếu sinh viên không được dự thi học phần thì bị tính điểm F và phải học lại học phần.	10%
1.2. Đánh giá giữa kì - Nếu số tín chỉ lí thuyết ≤ 3 thì tổ chức 1 lần kiểm tra. - Nếu số tín chỉ lí thuyết ≥ 4 thì tổ chức 2 lần kiểm tra, điểm đánh giá là điểm trung bình.	30%
2. Đánh giá thi kết thúc học phần - *Học phần chỉ có lí thuyết:* điểm đánh giá là điểm của bài thi kết thúc học kì và hình thức đánh giá do bộ môn quy định (tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn,...). - *Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án:* điểm đánh giá cuối kì là trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc báo cáo đồ án. - *Học phần có cả lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lí thuyết và đồ án:* điểm đánh giá cuối kì là điểm đánh giá độc lập của các thành phần lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.	**60%**
3. Công thức tính điểm học phần ***3.1. Học phần chỉ có lí thuyết*** Điểm học phần lí thuyết được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân: $a = a1 \times 0.1 + a2 \times 0.3 + a3 \times 0.6$ Trong đó, a: điểm học phần; $a1$: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; $a2$: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; $a3$: điểm đánh giá thi kết thúc học	

phần.

3.2. Học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án

Điểm học phần là điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án, được làm tròn đến một chữ số thập phân.

3.3. Học phần bao gồm cả lí thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lí thuyết và đồ án

$$a = a1 \times 0.1 + a2 \times 0.3 + (a3 * m + a4 * n) \times 0.6 / (m + n).$$

Trong đó, *a*: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; *a1*: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; *a2*: điểm trung bình cộng của các bài đánh giá giữa học phần; *a3*: điểm đánh giá thi kết thúc phần lí thuyết; *a4*: điểm trung bình cộng của các bài thực hành, thí nghiệm hoặc điểm báo cáo đồ án; *m*: số tiết lí thuyết; *n*: số tiết thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.

3.4. Học phần thực tập cuối khóa

- Điểm học phần được tính như sau, làm tròn đến một chữ số thập phân:

$$a = a1 \times 0.5 + a2 \times 0.5$$

Trong đó, *a*: điểm học phần, làm tròn đến một chữ số thập phân; *a1*: điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn; *a2*: điểm đánh giá của cán bộ hướng dẫn nơi sinh viên thực tập.

7. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN LỰC HỖ TRỢ

Nhà trường có đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học, trình độ đại học là những người có trình độ chuyên môn cao, đã trưởng thành qua thực tế và có nhiều năm kinh nghiệm, có thâm niên giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng và tâm huyết với sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT. Đội ngũ tham gia giảng dạy ngành Giáo dục Tiểu học gồm 68 người với 25 Tiến sĩ, 43 Thạc sĩ, trong đó:

- Có 02 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo:

+ TS. Nguyễn Xuân Lai, chuyên ngành Toán học

+ TS. Dương Thị Bích Hạnh, chuyên ngành Ngữ văn.

- Có ít nhất 08 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy:

+ TS. Tạ Thị Thuý Ngân, chuyên ngành Giáo dục chính trị, TS. Nguyễn Thái Hưng, chuyên ngành Giáo dục thể chất: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức giáo dục đại cương.

+ TS. Nguyễn Thị Thu Hà, chuyên ngành Toán học; TS Nguyễn Văn Viết, chuyên ngành Sinh học: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức cơ sở ngành.

+ TS. Dương Thị Bích Hạnh, chuyên ngành Ngữ văn; TS. Nguyễn Xuân Lai, chuyên ngành Toán học: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức chuyên ngành.

+ TS. Nguyễn Thị Phượng, chuyên ngành Ngôn ngữ học: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, thực hành và thực tập sư phạm.

+ TS. Phạm Thị Trang, chuyên ngành Toán học: Chủ trì nội dung nghiên cứu khoa học (khoá luận tốt nghiệp)

- Có đủ số lượng giảng viên để đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định: Đội ngũ giảng viên cơ hữu hiện tại của trường đảm nhận được 100% khối lượng chương trình đào tạo.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ CÔNG NGHỆ

Trường Đại học Hải Dương có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành Giáo dục Tiểu học. Trong đó bao gồm hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu; thư viện, trung tâm học liệu; trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập; nhà kí túc xá 5 tầng; nhà dịch vụ; nhà ăn sinh viên; phòng tập thể thao, nhà tập đa năng; sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo; sân bóng chuyền; sân bóng rổ. Cụ thể:

- Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu: 160;
- Thư viện, trung tâm học liệu: 04;
- Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập: 15;
- Nhà kí túc xá 5 tầng: 04;
- Nhà dịch vụ: 01;
- Nhà ăn sinh viên: 02;
- Phòng tập thể thao, nhà tập đa năng: 02;
- Sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo: 02;
- Sân bóng chuyền: 02;
- Sân bóng rổ: 02.
- Sân bóng rổ: 02.

Để đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học, nhà trường có thư viện, trung tâm học liệu với 182 đầu sách, gồm các tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo để sinh viên học tập các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.